

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Vũ Thị Bích

Giảng viên hướng dẫn: PGS.TS. Thịnh Văn Vinh

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN NỘI THẤT 190**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Vũ Thị Bích

Giảng viên hướng dẫn: PGS.TS. Thịnh Văn Vinh

HẢI PHÒNG - 2011

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Khái quát hoá được những lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Phản ánh thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần nội thất 190.

- Đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần nội thất 190, trên cơ sở đó đưa ra những giải pháp hoàn thiện.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu năm 2010

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty cổ phần nội thất 190.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Thịnh Văn Vinh

Học hàm, học vị: PGS.TS

Cơ quan công tác: Trường Học Viện Tài Chính

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần nội thất 190.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 11 tháng 04 năm 2011

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 16 tháng 07 năm 2011

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

PGS.TS.Thịnh Văn Vinh

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2011

Hiệu trưởng

GS.TS.NGUYỄN Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2011
Cán bộ hướng dẫn
(họ tên và chữ ký)

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, kế toán được coi là ngôn ngữ kinh doanh, là phương tiện giao tiếp giữa doanh nghiệp với các đối tượng liên quan đến doanh nghiệp. Kế toán cung cấp các thông tin kinh tế, tài chính hữu ích cho các đối tượng trong việc ra quyết định kinh tế hợp lý và hiệu quả. Trong những năm gần đây, xu hướng toàn cầu hoá, hợp tác và phát triển các loại hình doanh nghiệp ở nước ta khá đa dạng và phong phú đã cho phép nhiều nhà đầu tư hoạt động. Đòi hỏi thông tin kế toán phải trung thực, lành mạnh đáng tin cậy nhằm giúp người sử dụng thông tin kế toán đưa ra những quyết định đúng đắn trong tương lai.

Mặt khác, trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp luôn quan tâm đến chi phí bỏ ra, doanh thu thực hiện được và tối đa hoá lợi nhuận thu được.

Đứng trước xu thế mở cửa hội nhập kinh tế với khu vực và quốc tế, sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp chịu tác động của nhiều yếu tố đòi hỏi công tác kế toán của doanh nghiệp phải có sự điều chỉnh thường xuyên, phù hợp với yêu cầu của thị trường có sự tham gia của các công ty nước ngoài công ty đa quốc gia. Một trong các biện pháp đó chính là tổ chức thực hiện tốt công tác kế toán trong doanh nghiệp, đặc biệt là công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Qua thời gian tìm hiểu thực tế tình hình tổ chức công tác kế toán tại công ty cổ phần nội thất 190, kết hợp với lý thuyết đã được học ở trường, những hiểu biết về các nghiệp vụ kinh tế nên em đã chọn đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần nội thất 190” cho bài khóa luận tốt nghiệp của mình.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Làm rõ những lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Làm rõ thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả

kinh doanh tại công ty cổ phần nội thất 190.

- Đề xuất một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần nội thất 190.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

* Đối tượng nghiên cứu: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở doanh nghiệp.

* Phạm vi nghiên cứu: Công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần nội thất 190.

4. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp của chủ nghĩa duy vật biện chứng, từ lý luận đến thực tiễn và từ thực tiễn để kiểm tra lý luận. Các phương pháp cụ thể là: quy nạp, phân tích, so sánh, diễn giải, quan sát,...

5. Nội dung kết cấu

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận được trình bày trong 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần nội thất 190.

Chương 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần nội thất 190.

Trong quá trình thực tập, em đã được sự hướng dẫn, giúp đỡ của các thầy cô bộ môn kế toán, các cô chú, anh chị phòng kế toán và đặc biệt là sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo PGS.TS.Thịnh Văn Vinh. Tuy nhiên, do vốn kiến thức còn hạn chế cùng với thời gian thực tế chưa nhiều nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

1.1. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Để quản lý tốt hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng có rất nhiều công cụ khác nhau, trong đó kế toán là một công cụ hữu hiệu. Tổ chức công tác kế toán khoa học hợp lý là một trong những cơ sở cung cấp thông tin quan trọng nhất cho việc chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Để công cụ kế toán phát huy hết vai trò của mình, đòi hỏi các doanh nghiệp phải không ngừng cải tiến và hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán nói chung cũng như kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Chính vì vậy tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đối với doanh nghiệp là một việc làm hết sức cần thiết, giúp nhà quản lý nắm bắt tình hình quản lý chi phí, thực hiện kế toán thu, lợi nhuận và có những biện pháp tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.1. Những vấn đề cơ bản về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp.

1.1.1.1. Khái niệm

Doanh thu: là tổng các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

1.1.1.2. Các loại doanh thu

- *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*: là số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các hoạt động như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Ở các doanh nghiệp áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ không bao gồm thuế GTGT, còn ở các doanh nghiệp áp dụng phương pháp tính thuế trực tiếp thì doanh thu bán hàng và

cung cấp dịch vụ là giá trị thanh toán của số hàng đã bán và dịch vụ đã được thực hiện bao gồm cả thuế GTGT.

- *Doanh thu tiêu thụ nội bộ*: là số tiền thu được do bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá nội bộ.

- *Doanh thu tài chính*: là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh có liên quan tới hoạt động tài chính. Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm lãi vay, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia, thu nhập từ hoạt động mua bán chứng khoán và doanh thu hoạt động tài chính khác.

- *Thu nhập khác*: là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên như: doanh thu về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, giá trị các vật tư, tài sản thừa trong sản xuất, các khoản nợ không ai đòi, nợ khó đòi đã xóa sổ nay đã đòi được, tiền phạt vi phạm hợp đồng, thu chuyển quyền sở hữu trí tuệ.

1.1.1.3. Điều kiện ghi nhận doanh thu và thời điểm ghi nhận doanh thu

a) Điều kiện ghi nhận doanh thu

➤ Ghi nhận doanh thu bán hàng: Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

+ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng

+ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

➤ Ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện

sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch cung cấp dịch vụ
- + Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập B01.
- + Xác định được các chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn

thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

➤ Ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

b) Thời điểm ghi nhận doanh thu

- Đối với phương thức bán buôn qua kho, bán buôn vận chuyển theo hình thức giao hàng trực tiếp thì thời điểm đã tiêu thụ là bên mua đã ký nhận đủ hàng, bên mua đã thanh toán tiền hàng hoặc nhận nợ.

- Với phương thức bán buôn qua kho, bán buôn vận chuyển thẳng theo hình thức chuyển hàng thì thời điểm xác nhận tiêu thụ là bên bán đã chuyển hàng đến địa điểm bên mua, bên bán thu được tiền hàng hoặc nhận nợ.

- Với phương thức bán hàng đại lý, ký gửi, khi người đại lý ký gửi thanh toán tiền hàng hoặc chấp nhận thanh toán hoặc họ thông báo hàng đã bán được.

1.1.1.4. Các khoản làm giảm trừ doanh thu của doanh nghiệp

✓ **Chiết khấu thương mại:**

Chiết khấu thương mại: là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (sản phẩm, hàng hoá), dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc các cam kết mua, bán hàng.

✓ **Giảm giá hàng bán:**

Giảm giá hàng bán: là số tiền giảm trừ cho khách hàng được người bán chấp nhận trên giá đã thỏa thuận vì lý do hàng bán kém phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

✓ **Hàng bán bị trả lại**

Hàng bán bị trả lại : là số sản phẩm, hàng hóa doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm hợp đồng kinh tế, vi phạm cam kết, kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

✓ **Thuế tiêu thụ đặc biệt**

Thuế TTĐB được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh nhập khẩu các mặt hàng, dịch vụ mà Nhà nước không khuyến khích sản xuất và hạn chế tiêu thụ như bia, rượu, thuốc lá, ô tô...

✓ **Thuế xuất khẩu**

Thuế xuất khẩu là thuế gián thu đánh trên giá trị và chủng loại hàng hóa trao đổi giữa hai quốc gia.

✓ **Thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp**

Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng.

DT bán	DT	CK	DTHB	Giảm	Thuế	Thuế
hàng	= bán	- thương	- bị trả	giá	TTĐB,	GTGT
thuần	hàng	mai	lại	hàng	thuế XK	trực
				bán	phải nộp	tiếp

1.1.1.5. Các phương thức bán hàng

❖ **Phương thức bán hàng trực tiếp**

Là phương thức giao hàng trực tiếp cho khách hàng tại kho, tại quầy, hay tại phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp. Sản phẩm khi bàn giao cho khách hàng được coi là tiêu thụ khi người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.

❖ **Phương thức giao hàng cho đại lý**

Là phương thức doanh nghiệp giao hàng cho các đại lý ký gửi để các đại lý này trực tiếp bán hàng. Bên nhận đại lý sẽ trực tiếp bán, thanh toán tiền hàng và hưởng hoa hồng hoặc chênh lệch giá. Số hàng chuyển giao cho các đại lý ký gửi vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi các đại lý ký gửi thanh toán tiền hàng hoặc chấp nhận thanh toán hoặc gửi thông báo về số hàng đã bán được thì số hàng đó được coi là tiêu thụ.

❖ **Phương thức chuyển hàng**

Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng, số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Chỉ khi nào người mua chấp nhận thanh toán một phần hay toàn bộ số hàng chuyển giao, thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ và bên bán mất quyền sở hữu.

❖ **Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp.**

Bán hàng trả chậm, trả góp là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu tại thời điểm mua hàng, số tiền còn lại người mua chấp nhận trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường số tiền trả ở các kỳ tiếp theo bằng nhau, trong đó gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi trả chậm.

❖ **Phương thức bán đổi hàng.**

Theo phương thức bán đổi hàng, doanh nghiệp đem sản phẩm, hàng hoá của mình để đổi lấy sản phẩm, hàng hoá của khách hàng. Khi doanh nghiệp xuất hàng thì ghi nhận doanh thu bán hàng và thuế GTGT đầu ra. Khi doanh nghiệp nhận hàng của khách hàng, kế toán phải hạch toán nhập kho và thuế GTGT đầu vào.

$$\begin{array}{l} \text{DT sản phẩm} \\ \text{đem trao đổi} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm} \\ \text{đem trao đổi} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá bán của sản phẩm trên thị} \\ \text{trường tại thời điểm trao đổi} \end{array}$$

1.1.2. Chi phí kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.2.1. Khái niệm

Chi phí là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một kỳ kế toán nhất định.

1.1.2.2. Các loại chi phí.

- *Giá vốn hàng bán:* Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của sản phẩm, vật tư hàng hóa, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ, là giá thành sản xuất hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hóa tiêu thụ thì giá vốn bao gồm trị giá mua của hàng hóa tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.

- *Chi phí bán hàng*: là những khoản chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ. Chi phí bán hàng bao gồm: chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu, bao bì, dụng cụ, khấu hao tài sản cố định, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác,....

- *Chi phí quản lý doanh nghiệp*: Là những khoản chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: chi phí nhân viên quản lý, vật liệu, đồ dùng văn phòng, khấu hao tài sản cố định, thuê môn bài, chi phí dự phòng, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác,....

- *Chi phí hoạt động tài chính*: là các khoản chi phí liên quan đến các hoạt động tài chính hoặc chi phí các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết,....

- *Chi phí khác*: là các khoản chi phí và các khoản lỗ hay sự kiện hay nghiệp vụ bất thường mà doanh nghiệp không thể dự kiến trước được hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên gồm:

+ Chi phí thanh lý nhượng bán tài sản cố định, giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán (nếu có).

+ Chênh lệch lỗ do đánh giá lại tài sản đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.

+ Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế

+ Bị phạt thuế, truy thu thuế

+ Các khoản chi phí khác.

- *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp*: là loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của các doanh nghiệp. Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm hiện hành.

1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định, biểu hiện bằng số tiền lỗ hoặc lãi.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh = doanh thu thuần - (giá vốn hàng bán + chi phí bán hàng + chi phí quản lý doanh nghiệp)

Kết quả hoạt động tài chính (lãi hay lỗ từ hoạt động tài chính) là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập thuần thuộc hoạt động tài chính với các khoản chi phí thuộc hoạt động tài chính.

Kết quả hoạt động tài chính = Thu nhập hoạt động tài chính – Chi phí hoạt động tài chính

Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa thu nhập thuần khác và chi phí khác.

Kết quả hoạt động khác = Thu nhập hoạt động khác – Chi phí hoạt động khác.

1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ để cung cấp thông tin kịp thời và chính xác cho người quản lý trong đơn vị để đưa ra các quyết định hữu hiệu đó là:

- Tổ chức tập hợp và phân bổ từng loại chi phí theo đối tượng tập hợp chi phí đã xác định bằng phương pháp thích hợp đã chọn, nhằm cung cấp kịp thời những số liệu thông tin tổng hợp về các khoản mục chi phí và xác định đúng đắn chi phí của sản phẩm dở dang cuối kỳ.

- Xác định đúng và tập hợp đầy đủ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ, phân bổ hợp lý chi phí cho hàng tiêu thụ trong kỳ để xác định chính xác kết quả bán hàng.

- Tính toán, phản ánh chính xác đầy đủ, kịp thời tổng giá trị thanh toán của hàng bán ra bao gồm cả doanh thu bán hàng, các khoản giảm trừ doanh thu, thuế GTGT đầu ra của từng nhóm mặt hàng, từng hoạt động, từng khách hàng, từng đơn vị trực thuộc.

- Cuối kỳ kết chuyển các khoản doanh thu, chi phí hợp lý vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh và các khoản phải nộp nhà nước. Đảm bảo cung cấp thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh cho nhà quản trị đầy đủ, kịp thời và chính xác.

1.3. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.3.1.1. Chứng từ kế toán sử dụng.

Doanh thu thể hiện doanh nghiệp bán sản phẩm, hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ. Do đó các chứng từ đi kèm làm căn cứ ghi sổ bao gồm:

- Hóa đơn GTGT (Mẫu 01-GTKT-3LL),
- Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu 02-GTGT)
- Phiếu thu (Mẫu 01-TT)
- Ủy nhiệm thu
- Giấy báo có của ngân hàng
- Hợp đồng mua bán, biên bản bàn giao hàng hoá
- Các chứng từ liên quan khác.

1.3.1.2. Tài khoản sử dụng:

✓ **Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** dùng để phản ánh doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp thực hiện trong một kỳ kế toán.

Kết cấu :

+ Bên nợ :

- Trị giá khoản chiết khấu thương mại kết chuyển vào cuối kỳ
- Trị giá khoản hàng bán bị trả lại kết chuyển vào cuối kỳ
- Trị giá khoản giảm giá hàng bán kết chuyển vào cuối kỳ
- Số thuế thuế TTĐB, thuế XK, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp tính trên doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ trong kỳ.
- Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh

+ Bên có :

- Tổng số doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp đã thực hiện trong kỳ kế toán.

TK 511 không có số dư cuối kỳ. TK 511 có 5 TK cấp 2 như sau:

- 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- 5112: Doanh thu bán sản phẩm
- 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

✓ **TK 512- Doanh thu nội bộ:** Dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hóa dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ các doanh nghiệp. Doanh thu nội bộ là số tiền thu được do bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty....

Kết cấu :

+ Bên nợ :

- Trị giá khoản chiết khấu thương mại, khoản hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán kết chuyển vào cuối kỳ
- Số thuế thuế TTĐB, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp tính trên doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ đã xác định là tiêu thụ nội bộ trong kỳ.
- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh

+ Bên có :

- Tổng số doanh thu tiêu thụ nội bộ phát sinh trong kỳ kế toán.

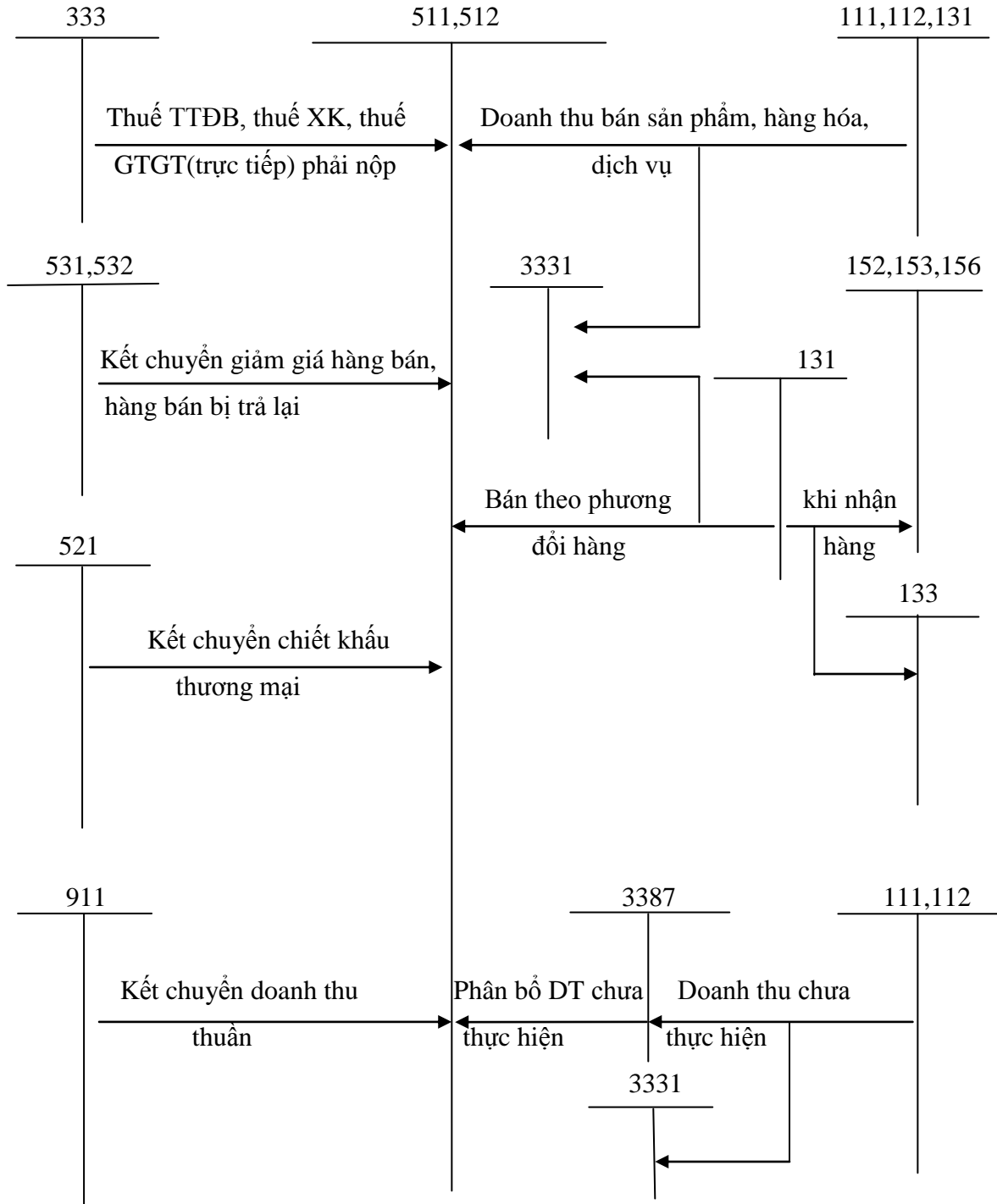
TK521 không có số dư cuối kỳ và có 3 tài khoản cấp 2 như sau:

- 5211: Doanh thu bán hàng hóa nội bộ
- 5212: Doanh thu bán sản phẩm nội bộ
- 5213: Doanh thu cung cấp dịch vụ nội bộ

✓ **TK3387- Doanh thu chưa thực hiện:** phản ánh khoản chênh lệch giữa hàng bán trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả ngay.

1.3.1.3. Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.1: Hạch toán tổng hợp doanh thu bán hàng



1.3.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, thuế XK, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

1.3.2.1. Chứng từ kế toán sử dụng

- Hóa đơn GTGT, Hóa đơn bán hàng thông thường
- Phiếu chi

- Ủy nhiệm chi
- Giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.3.2.2. Tài khoản sử dụng:

- ✓ **TK521- Chiết khấu thương mại:** dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua phát sinh trong kỳ.

Kết cấu:

+Bên nợ:

- Số tiền chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng phát sinh trong kỳ

+Bên có:

- Cuối kỳ kết chuyển số chiết khấu thương mại sang TK 511 để tính doanh thu thuần trong kỳ kế toán

TK521 không có số dư cuối kỳ

- ✓ **TK531- Hàng bán bị trả lại:** dùng để phản ánh giá trị số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại (tính theo đúng đơn giá ghi trên hóa đơn)

Các chi phí khác liên quan tới hàng bán bị trả lại mà DN phải chi được phản ánh vào TK 641- chi phí bán hàng.

Trường hợp hàng bán bị trả lại vào kỳ kế toán sau, tức là trước đây đã ghi nhận doanh thu và xác định kết quả kinh doanh. Kế toán phản ánh doanh thu, thuế GTGT của hàng bán bị trả lại ghi nhận vào chi phí của kỳ này, trị giá vốn của hàng bán bị trả lại nhập kho ghi nhận vào doanh thu kỳ này.

Kết cấu:

+Bên nợ:

- Trị giá hàng bán bị trả lại đã trả lại tiền hoặc trừ vào nợ phải thu

+Bên có:

- Kết chuyển trị giá hàng bán bị trả lại vào TK 511 hoặc TK512 để tính doanh thu thuần trong kỳ.

TK 531 không có số dư cuối kỳ.

✓ **TK532-Giảm giá hàng bán:** dùng để phản ánh các khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và xử lý các khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán.

Kết cấu:

+Bên nợ:

- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận cho khách hàng phát sinh trong kỳ

+Bên có:

- Kết chuyển số tiền giảm giá hàng bán vào TK 511 hoặc TK 512 để tính doanh thu thuần trong kỳ

TK 532 không có số dư cuối kỳ.

✓ **Thuế :**

Các khoản thuế làm giảm doanh thu như :

- Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- Thuế xuất khẩu.
- Thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB)

Phản ánh thuế GTGT (PP trực tiếp) phải nộp :

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT

Phản ánh thuế xuất khẩu phải nộp :

Nợ TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3333 - Thuế xuất khẩu

Phản ánh thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp:

Xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) phải nộp :

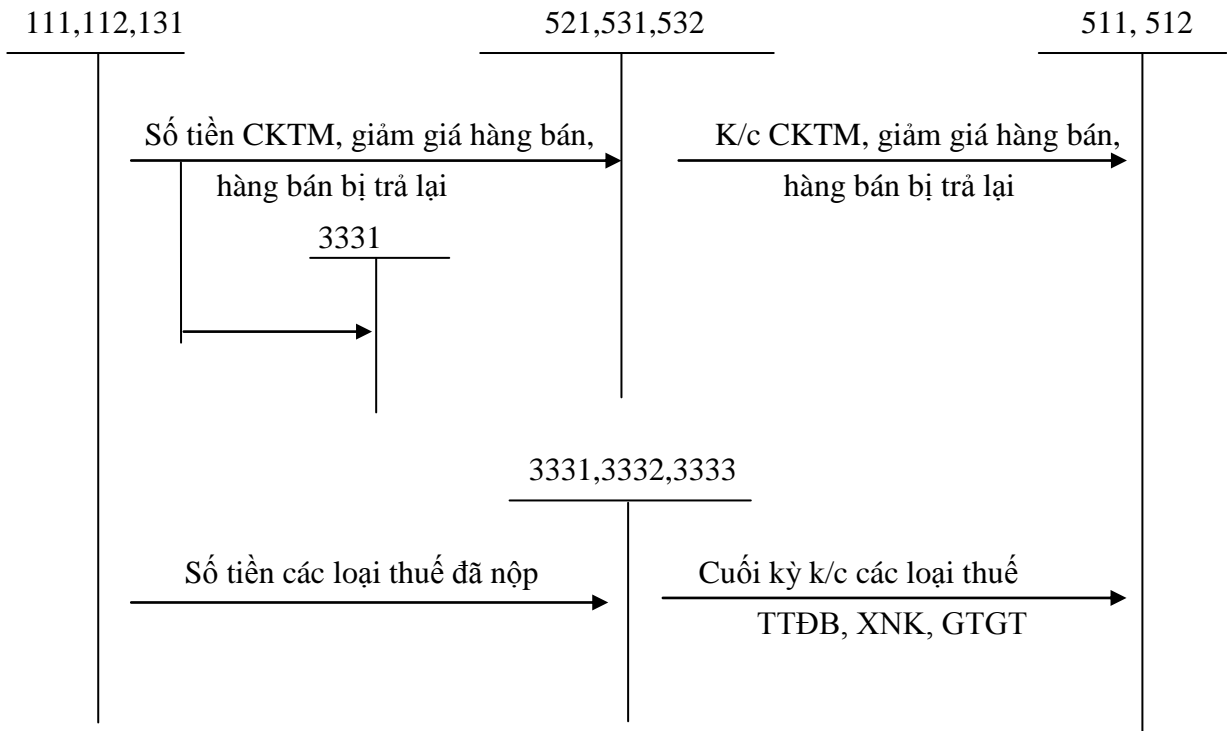
$$\text{Thuế TTĐB phải nộp} = \frac{\text{Giá bán hàng}}{1 + \text{thuế suất}} \times \text{thuế suất}$$

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3332 - Thuế tiêu thụ đặc biệt

1.3.2.3. Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.2: Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu



1.3.3. Kế toán giá vốn hàng bán

1.3.3.1. Phương pháp xác định giá vốn hàng xuất bán

❖ *Phương pháp bình quân gia quyền:*

Theo phương pháp này thì giá vốn hàng bán xuất kho được tính căn cứ vào số lượng hàng hóa xuất kho và đơn giá bình quân.

$$\text{Trị giá vốn thực tế của sản phẩm, hàng hóa xuất kho} = \frac{\text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa xuất kho}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa nhập trong kỳ}} \times \text{Đơn giá bình quân}$$

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Trị giá thực tế sản phẩm, hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế của sản phẩm, hàng hóa nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa nhập trong kỳ}}$$

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá sản phẩm, hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i}{\text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i}$$

Khi tính đơn giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập của sản phẩm, hàng hóa vật tư. Kế toán phải lưu ý đến số lượng và đơn giá của sản phẩm hàng hóa vật tư tồn lại sau mỗi lần xuất.

❖ *Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)*

Theo phương pháp này sản phẩm, hàng hóa, vật tư nào nhập trước thì sẽ xuất trước, lấy đơn giá bằng đơn giá nhập. Trị giá thực tế của sản phẩm, hàng hóa, vật tư tồn kho cuối cùng được xác định bằng đơn giá của sản phẩm, hàng hóa, vật tư những lần nhập đầu tiên.

❖ *Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)*

Theo phương pháp này sản phẩm, hàng hóa, vật tư nào nhập sau cùng thì sẽ xuất trước. Lấy đơn giá bằng đơn giá nhập. Trị giá thực tế của sản phẩm, hàng hóa, vật tư tồn kho cuối cùng được xác định bằng đơn giá của sản phẩm, hàng hóa, vật tư những lần nhập đầu tiên.

❖ *Phương pháp thực tế đích danh*

Theo phương pháp này, trị giá vốn hàng xuất kho được xác định dựa trên giá định khi xuất kho sản phẩm, hàng hóa, vật tư thì căn cứ vào đơn giá từng lần nhập, xuất hàng hóa thuộc lô nào thì lấy đơn giá của lô đó.

1.3.3.2. Chứng từ kế toán sử dụng:

Trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến việc nhập, xuất hàng hóa đều phải lập chứng từ đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ quy định. Những chứng từ này có cơ sở pháp lý để tiến hành hạch toán nhập, xuất kho hàng hóa, là cơ sở của việc kiểm tra tính cần thiết và hợp lý của chứng từ. Các chứng từ chủ yếu được sử dụng là:

- Phiếu xuất kho(Mẫu 01-VT)
- Hóa đơn bán hàng thông thường
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ(Mẫu 03-VT)
- Các chứng từ khác có liên quan.

Để theo dõi giá vốn hàng bán chứng từ ban đầu là phiếu xuất kho, khi xuất hàng hóa kế toán phải lập phiếu xuất kho là căn cứ để xuất hàng hóa, đồng thời là cơ sở để vào sổ chi tiết hàng hóa. Khi bán hàng cửa hàng lập bộ chứng từ gồm

phiếu xuất kho, hóa đơn giá trị gia tăng, phiếu thu và ghi nhận giá vốn hàng hóa để lập báo cáo bán hàng.

1.3.3.3. Tài khoản sử dụng

- ❖ Theo phương pháp kê khai thường xuyên:
- ✓ **TK632-Giá vốn hàng bán:** phản ánh trị giá vốn hàng hóa xuất kho bán trong kỳ.

Kết cấu

+Bên nợ:

- Tập hợp trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp trong kỳ
- Các khoản khác được tính vào giá vốn trong kỳ

+Bên có:

- Giá vốn hàng bán bị trả lại trong kỳ
- Kết chuyển giá vốn hàng bán vào bên nợ TK 911 để xác định kết quả kinh doanh

TK 632 không có số dư cuối kỳ

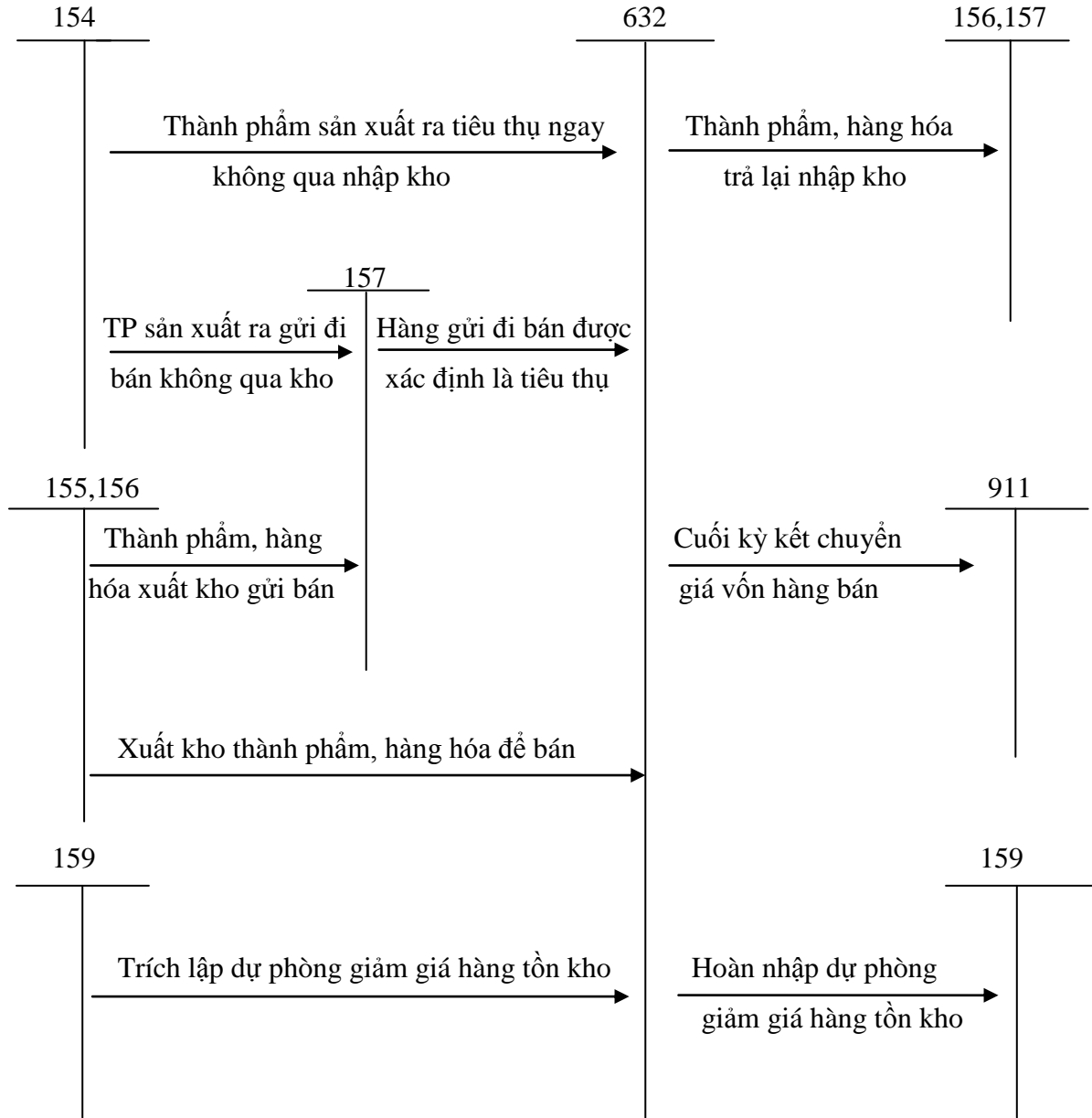
Các tài khoản khác có liên quan : TK 155,156, 157, 159, 911.

- ❖ Theo phương pháp kiểm kê định kỳ:
- ✓ **TK611- Mua hàng:** TK này phản ánh giá trị vốn thực tế của hàng hóa tăng giảm trong kỳ. TK 611 có 2 TK cấp 2:
 - 6111: Mua nguyên vật liệu
 - 6112: Mua hàng hóa
- ✓ **TK 631- Giá thành sản xuất**

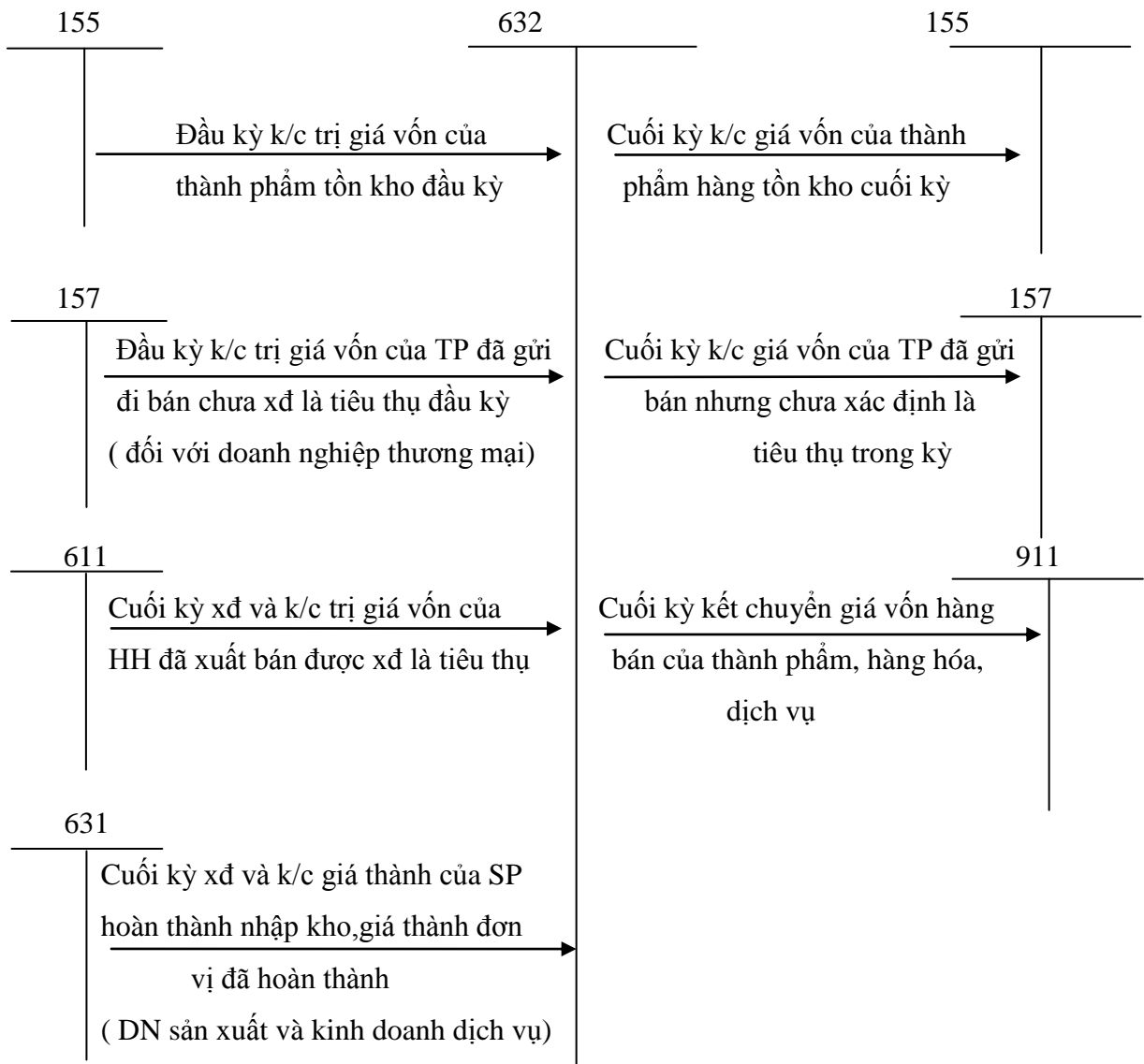
1.3.3.4. Phương pháp hạch toán:

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán được khái quát theo sơ đồ sau

Sơ đồ 1.3. Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.4 Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.3.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1.3.4.1. Chứng từ kế toán sử dụng:

Các chứng từ liên quan đến chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

- Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương (Mẫu số 01-LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06-TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, CCDC (Mẫu số 07-VT)
- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01GTGT-3LL)
- Phiếu chi(Mẫu số 02- TT)
- Chứng từ kế toán liên quan.

Hàng ngày dựa vào các chứng từ phát sinh liên quan đến chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, kế toán tiến hành ghi vào sổ chi tiết, sổ cái TK 641, 642 phụ thuộc vào doanh nghiệp áp dụng theo từng hình thức kế toán. Cuối kỳ kế toán kết chuyển chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp trừ vào thu nhập để tính lợi nhuận về tiêu thụ trong kỳ. Trường hợp chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ lớn hơn trong khi doanh thu kỳ này nhỏ hơn hoặc chưa có thì chi phí bán hàng được tạm thời kết chuyển vào TK 142 (242) “chi phí trả trước”. Số này sẽ được kết chuyển một lần hoặc nhiều lần ở các kỳ sau khi có doanh thu.

1.3.4.2. Tài khoản sử dụng:

- ✓ **TK641-Chi phí bán hàng:** dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm.

Kết cấu

+Bên nợ:

- Tập hợp các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp.

+Bên có:

- Các khoản giảm trừ chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ hạch toán
- Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK911 để xác định kết quả kinh doanh, hoặc kết chuyển CPBH vào TK 142(242) “chi phí trả trước” để chờ phân bổ.

TK 641 không có số dư cuối kỳ và có 7 TK cấp 2 như sau:

- 6411: Chi phí nhân viên mua hàng
 - 6412: Chi phí vật liệu bao bì
 - 6413: Chi phí dụng cụ đồ dùng
 - 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ dùng trong bán hàng
 - 6415: Chi phí bảo hành sản phẩm
 - 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
 - 6418: Chi phí khác bằng tiền.
- ✓ **TK642-Chi phí quản lý doanh nghiệp:** dùng để phản ánh các chi quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ hạch toán

Kết cấu

+Bên nợ:

- Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ, số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả, dự phòng trợ cấp việc làm.

+Bên có:

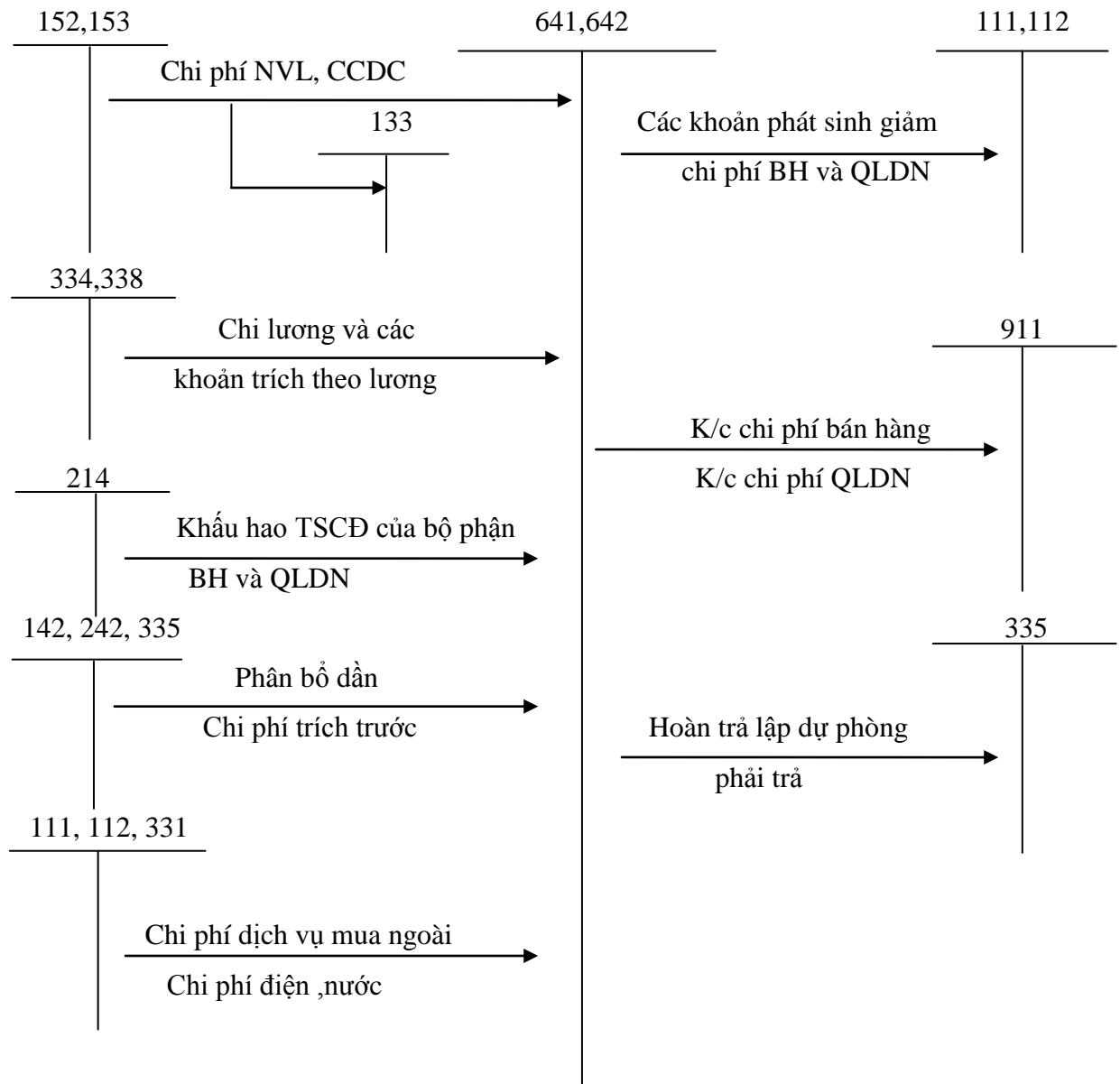
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh hoặc kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 142 “chi phí trả trước” để chờ phân bổ.

TK 642 không có số dư cuối kỳ và có 8 TK cấp 2 như sau:

- 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- 6425: Thuế, phí, lệ phí
- 6426: Chi phí dự phòng
- 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- 6428: Chi phí khác bằng tiền

1.3.4.3. Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.5: Hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp



1.3.5. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.

1.3.5.1. Chứng từ kế toán sử dụng:

Các chứng từ có liên quan đến doanh thu tài chính và chi phí tài chính:

- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo lãi của ngân hàng
- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Các hợp đồng vay vốn
- Biên bản góp vốn liên doanh liên kết
- Các chứng từ khác có liên quan

1.3.5.2. Tài khoản sử dụng

✓ **TK515-Doanh thu tài chính:** dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và doanh thu các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Kết cấu

+Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh

+Bên có:

- Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ ngoại tệ của hoạt động kinh doanh
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XD CB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.
TK 511 không có số dư cuối kỳ

✓ **TK 635-Chi phí tài chính:** dùng để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính.

Kết cấu

+Bên nợ:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản, thuê tài chính
- Lỗ bán ngoại tệ
- Chiết khấu thanh toán cho người mua
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư ngắn hạn
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá đã thực hiện)
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện)
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết)
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư, đây dựng cơ bản (lỗ tỷ giá giai đoạn trước hoạt động đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính)
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác

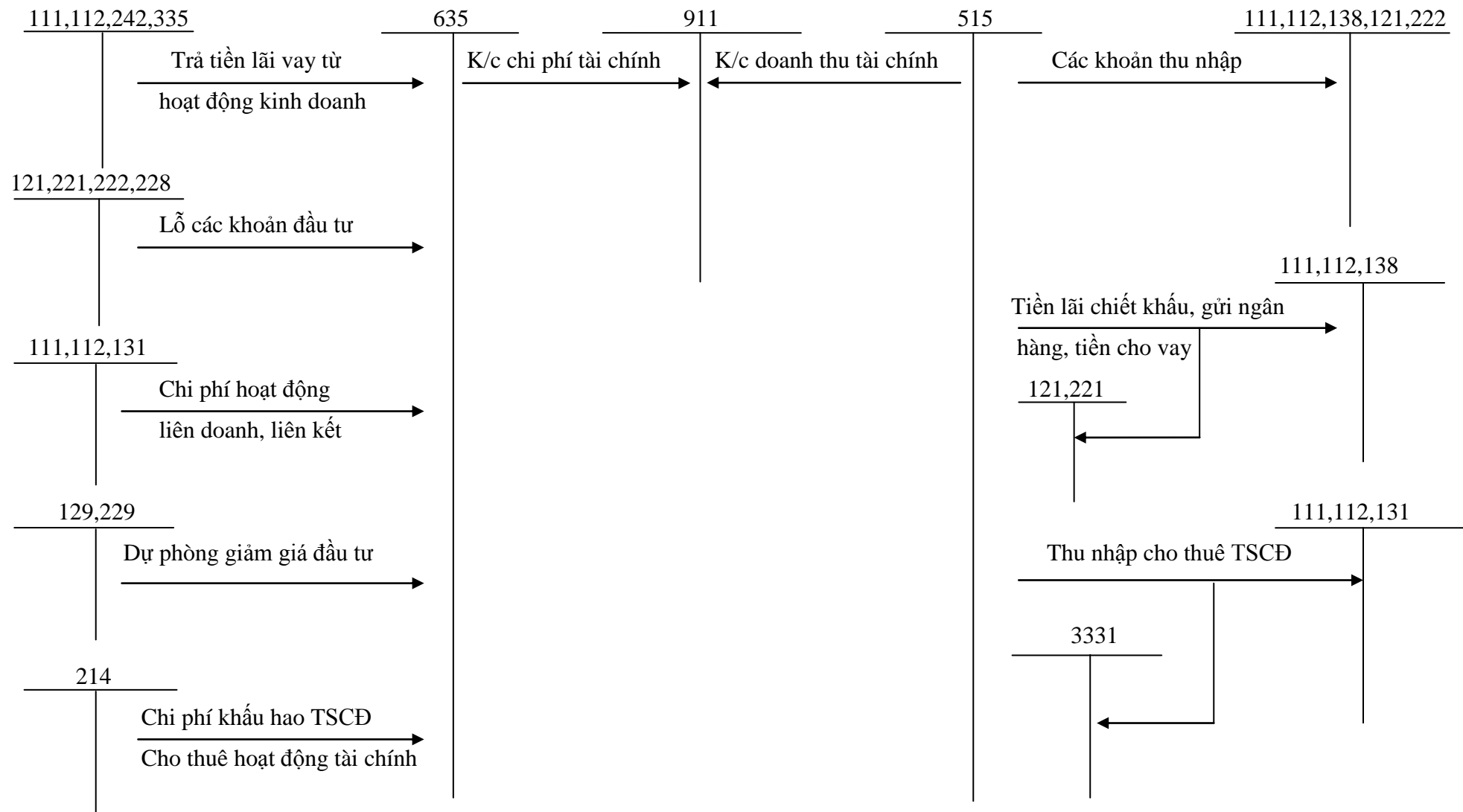
+Bên có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết)
- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính trong kỳ vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

TK 635 không có số dư cuối kỳ.

1.3.5.3. Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.6: Hạch toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính



1.3.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.

1.3.6.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan

1.3.6.2. Tài khoản sử dụng

- ✓ **TK 711-Thu nhập khác:** dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp

Kết cấu

+Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác (nếu có)
- Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác trong kỳ vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh

+Bên có:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh

TK711 không có số dư cuối kỳ.

- ✓ **TK811- Chi phí khác:** dùng để phản ánh các khoản chi phí của hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Kết cấu

+Bên nợ:

- Các khoản chi phí khác phát sinh

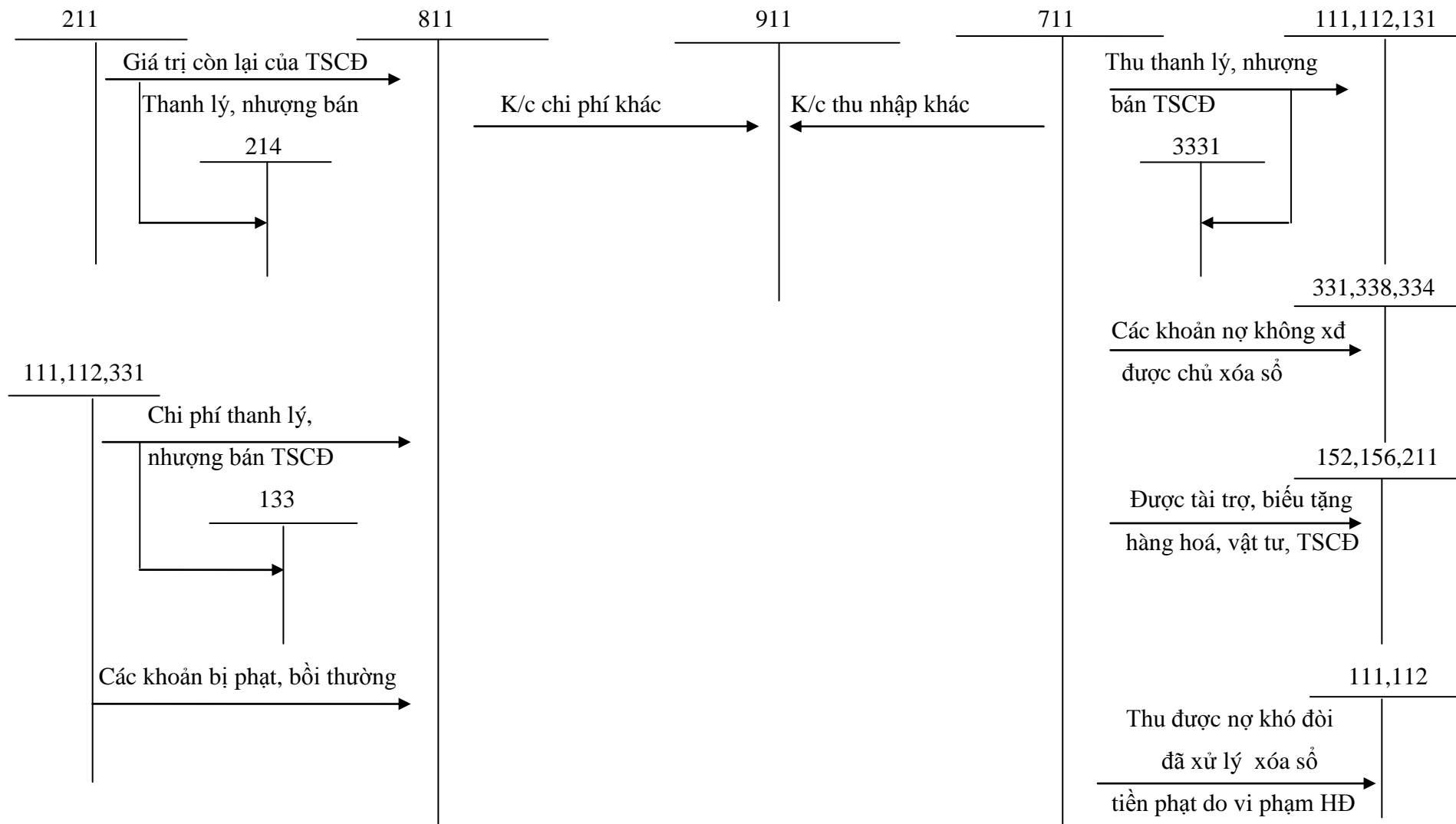
+Bên có:

- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ các chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

TK 811 không có số dư cuối kỳ.

1.3.6.3. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.7: Hạch toán thu nhập khác và chi phí khác



1.3.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm hàng hoá, lao vụ, dịch vụ), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

1.3.7.1. Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

1.3.7.2. Tài khoản sử dụng:

✓ TK911-Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để phản ánh xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ hạch toán. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

Kết cấu

+Bên nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá dịch vụ bán ra trong kỳ
- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN, chi phí khác
- Kết chuyển lãi

+Bên có:

- Doanh thu thuần về sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ.
- Doanh thu thuần hoạt động tài chính và các khoản thu nhập khác.
- Kết chuyển lỗ

TK 911 không có số dư cuối kỳ.

1.3.7.3. Nguyên tắc hạch toán:

Kế toán sử dụng TK911 để xác định kết quả kinh doanh, phương pháp hạch toán như sau:

- Định kỳ, kế toán thực hiện bút toán kết chuyển:
 - + Doanh thu bán hàng thuần, doanh thu hoạt động tài chính sang bên có

TK911

+ Chi phí QLDN, trị giá vốn hàng bán, chi phí tài chính và chi phí thuế TNDN sang bên nợ TK911.

- Xác định kết quả kinh doanh:

+ Nếu tổng phát sinh bên Nợ TK 911 lớn hơn tổng phát sinh bên Có TK911 thì kế toán doanh nghiệp thực hiện bút toán kết chuyển lỗ sang bên Nợ TK 421-LN sau thuế. Kế toán ghi :

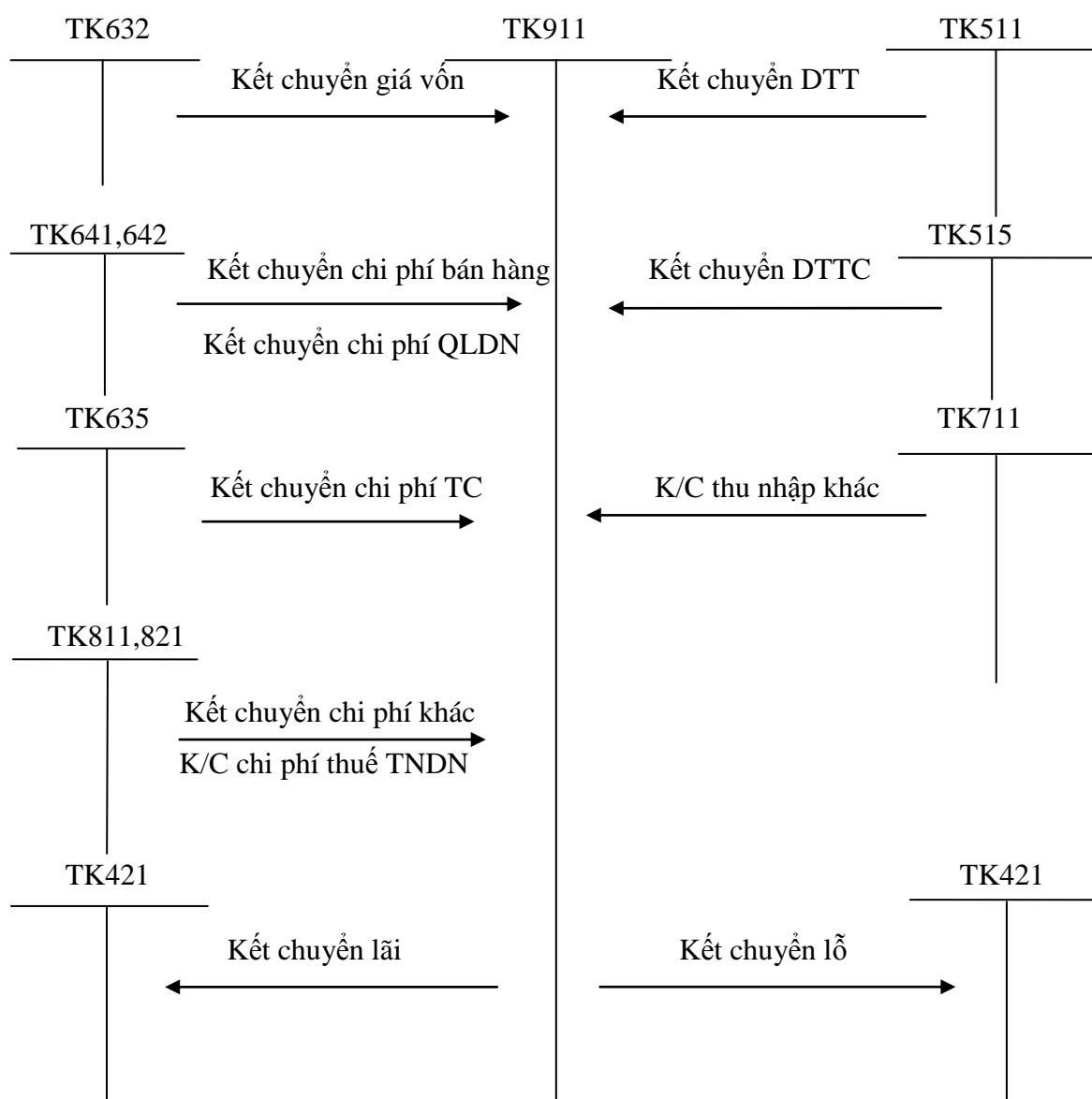
Nợ TK421 :(SPS NợTK911 - SPS CóTK911)
 Có TK911

+ Nếu tổng phát sinh bên Nợ TK911 nhỏ hơn tổng phát sinh bên Có TK911 thì kế toán tính thuế TNDN phải nộp và thực hiện bút toán kết chuyển lãi:

Nợ TK911
 Có TK421(SPS CóTK911 - SPS NợTK911)

1.3.7.4.Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.8.Hạch toán xác định kết quả kinh doanh.



1.4. Tổ chức vận dụng sổ kế toán

Theo quyết định số 15 của Bộ tài chính, các doanh nghiệp được áp dụng một trong năm hình thức kế toán sau:

Hình thức kế toán Nhật ký sổ cái

Hình thức kế toán Nhật ký chung

Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Hình thức kế toán trên máy vi tính

1.4.1. Hình thức Nhật ký - sổ cái.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký - sổ cái: các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ nhật ký - sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ nhật ký – sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán nhật ký - sổ cái gồm các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký – sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

1.4.2. Hình thức Nhật ký chung.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký chung để ghi sổ cái cho từng nghiệp vụ phát sinh

Hình thức kế toán nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- + Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt
- + Sổ cái
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

1.4.3. Hình thức Nhật ký chứng từ.

Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản

đối ứng nợ. Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản). Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép. Sử dụng các mẫu sổ in sẵn có quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán nhật ký – chứng từ gồm các loại sổ kế toán sau:

- + Nhật ký chứng từ
- + Bảng kê
- + Sổ cái
- + Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

1.4.4. Hình thức Chứng từ ghi sổ.

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái

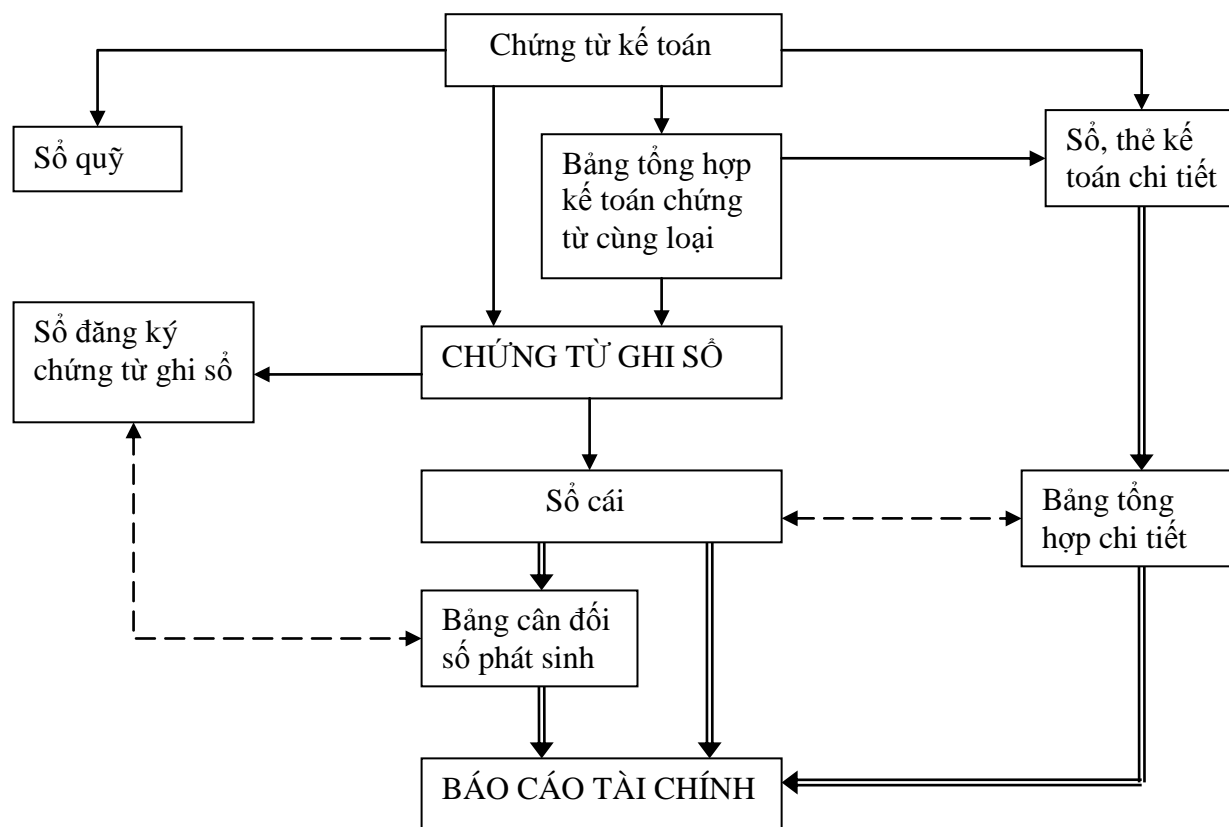
Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số theo từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ kế toán sau:

- + Chứng từ ghi sổ
- + Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- + Sổ cái
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.9: Trình tự hạch toán theo hình thức chứng từ ghi sổ.



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối tháng (Định kỳ)
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra

1.4.5- Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán trên máy vi tính được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NỘI THẤT 190.

2.1. Khái quát chung về công ty CP nội thất 190.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty cổ phần nội thất 190.

Công ty cổ phần nội thất 190 được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0202003164 của Sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng vào tháng 3 năm 2005 với:

Tên công ty viết bằng tiếng việt: Công ty cổ phần nội thất 190

Tên công ty viết bằng tiếng anh: 190Furniture Joint Stock Company

Tên công ty viết tắt: 190Furniture – JSC

Địa chỉ trụ sở chính: Km 89 Mỹ Tranh, Nam Sơn, An Dương, Hải phòng

Điện thoại: 0313.589.180

Fax: 0313.589.181

Mã số thuế: 0200656938

Nghành nghề kinh doanh chủ yếu mà công ty chọn là sản xuất hàng trang trí nội thất.

Hình thành và phát triển trong nền kinh tế thị trường, công ty cổ phần nội thất 190 gặp không ít những khó khăn, thử thách. Sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp sản xuất cùng loại sản phẩm. Giá nguyên liệu, vật tư đầu vào liên tục biến động trong khi đó giá đầu ra cho sản phẩm không hề biến đổi. Song với sự nỗ lực của mình, công ty vẫn phát triển không ngừng, sản phẩm của công ty ngày càng có uy tín trên thị trường. Thị trường tiêu thụ của công ty chủ yếu ở miền Bắc, một số khu vực ở miền Trung và miền Nam.

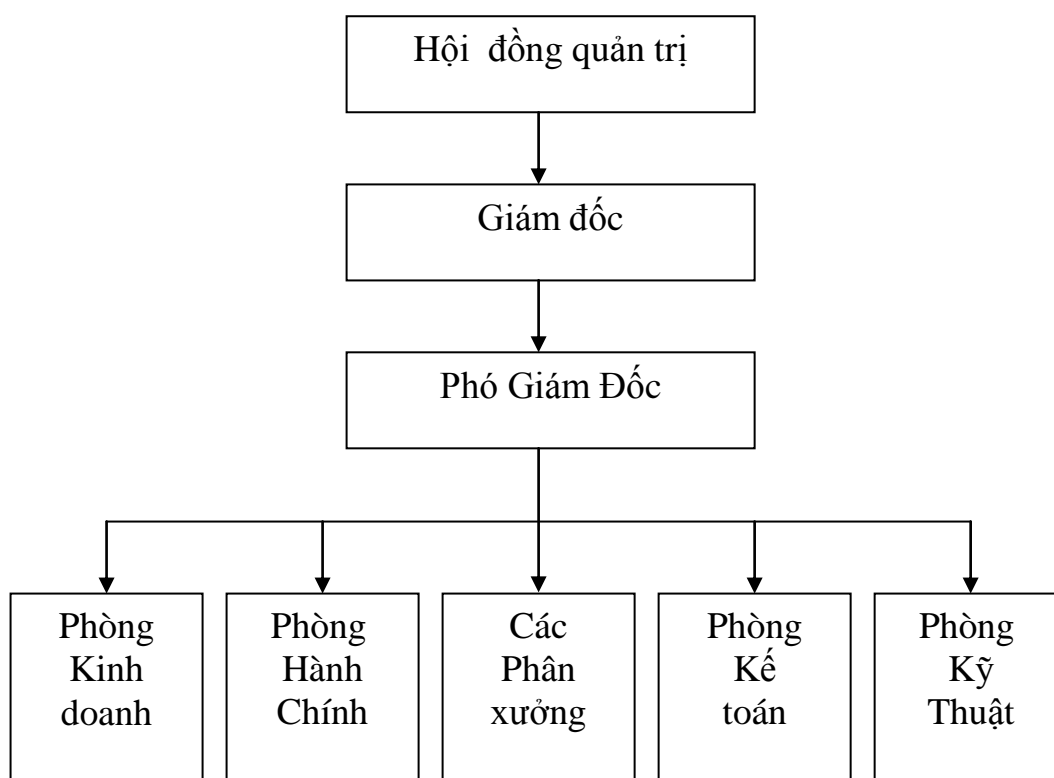
2.1.2 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Công ty

Để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của doanh nghiệp và phù hợp với cơ chế kinh doanh, công ty tổ chức bộ máy theo mô hình trực tuyến chức năng gồm có:

➤ Hội đồng quản trị: là cơ quan quản trị cao nhất ở công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của công ty, quyết định chiến lược phát triển của công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức giám đốc và các bộ phận quản lý thuộc phạm vi quản lý của Hội đồng quản trị.

- Giám đốc: Giữ vai trò lãnh đạo chung toàn công ty, giám sát, điều hành hoạt động hàng ngày của công ty, là đại diện pháp nhân của công ty trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước HĐQT về thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
- Phó giám đốc: Thay thế điều hành công ty khi Giám đốc vắng mặt, thực hiện nhiệm vụ khi được Giám đốc uỷ quyền.
- Các phòng ban chức năng: Không trực tiếp quản lý nhưng có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch tiến độ sản xuất, các quy trình kỹ thuật, các định mức kinh tế.

Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty CP nội thất 190

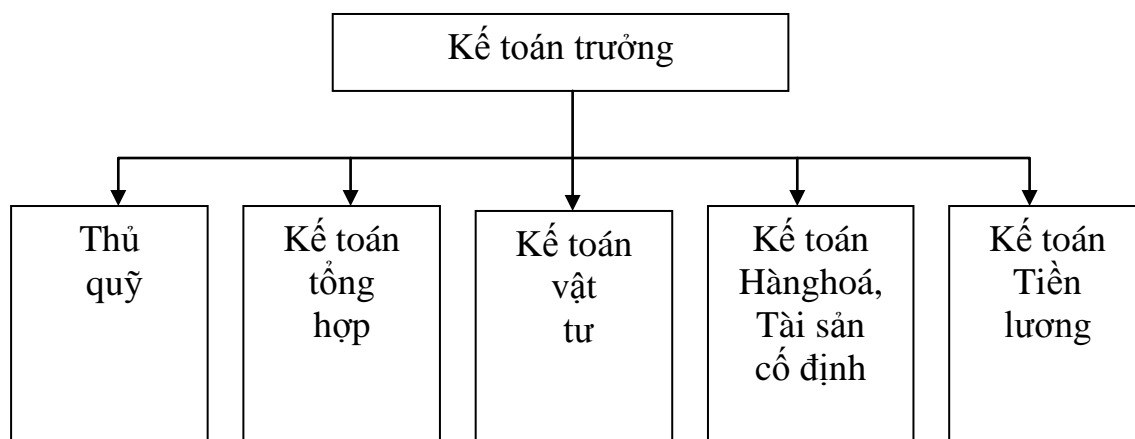


2.1.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty.

2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Để phù hợp với quy mô, đặc điểm sản xuất kinh doanh và quản lý, phù hợp với chức năng và trình độ của nhân viên kế toán, công ty đã lựa chọn hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung. Hình thức này tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của ban giám đốc công ty đối với hoạt động kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng.

Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty CP nội thất 190



Mối quan hệ của từng người và mối quan hệ giữa các kế toán:

Kế toán trưởng: Là người chịu trách nhiệm trước Ban giám đốc về việc chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác kế toán trong Công ty. Kế toán có chức năng, nhiệm vụ chỉ đạo chung mọi hoạt động bộ máy kế toán của công ty, bao gồm các mối quan hệ tài chính với cơ quan thuế, lập các bảng biểu về tình hình sản xuất kinh doanh của công ty. Thường xuyên tham mưu giúp việc cho giám đốc thấy rõ mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị mình, từ đó đề ra biện pháp xử lý.

Kế toán vật tư: Có trách nhiệm quản lý thống kê, theo dõi số lượng vật tư nhập, xuất, tồn. Hàng tháng tiến hành ghi sổ các vật tư nhập vào và xuất ra.

Kế toán về hàng hoá, tài sản cố định: có nhiệm vụ theo dõi hàng tồn kho, nhập xuất tồn hàng hoá, tình hình tăng, giảm của tài sản cố định.

Kế toán tiền lương: Theo dõi tiền lương phải trả người lao động, trích lập bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn theo quy định.

Kế toán tổng hợp: có nhiệm vụ tổng hợp và tính giá thành cho từng loại sản phẩm. Kiểm tra các định khoản các nghiệp vụ phát sinh. Kiểm tra sự cân đối giữa số liệu kế toán chi tiết và tổng hợp; hạch toán thu nhập, chi phí, khấu hao, công nợ, nghiệp vụ khác, lập báo cáo tài chính định kỳ.

Thủ quỹ: Có trách nhiệm quản lý tiền mặt, thực hiện thu chi theo đúng nguyên tắc, chế độ.

2.1.3.2. Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán

Công ty đang áp dụng hệ thống chứng từ kế toán theo chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo quyết định số 15/2006QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ

trưởng Bộ Tài chính và các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành.

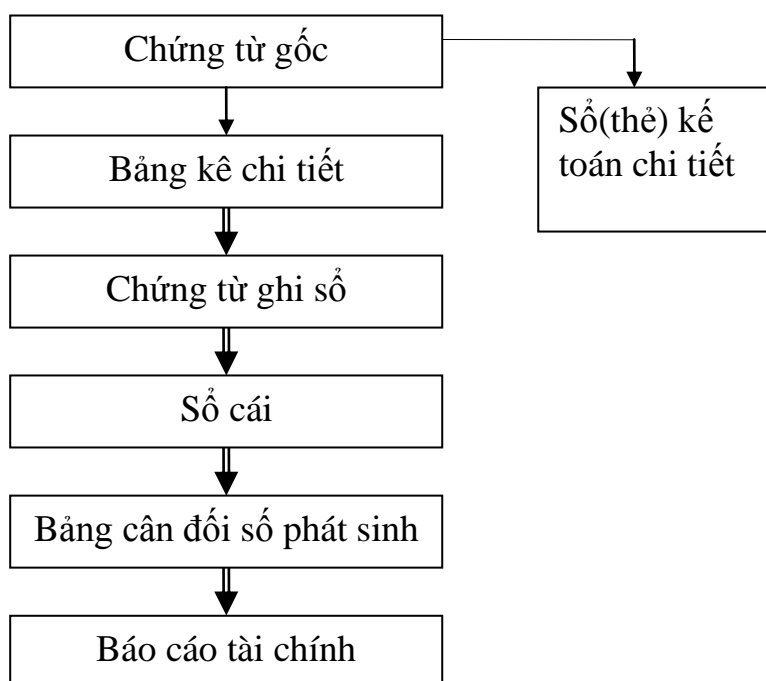
2.1.3.3. Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán

Công ty đang áp dụng hệ thống tài khoản kế toán theo chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành.

2.1.3.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán

Do đặc điểm sản xuất kinh doanh hiện nay công ty đang áp dụng là hình thức kế toán “chứng từ ghi sổ”.

Sơ đồ 2.1: Trình tự ghi sổ tại công ty cổ phần nội thất 190



Ghi chú :

- > : Ghi hàng ngày
- =====> : Ghi cuối tháng (định kỳ)

2.1.3.5. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính

Công ty đang áp dụng hệ thống báo cáo tài chính theo chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành. bao gồm:

Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01- DN)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02- DN)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03- DN)

Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09- DN)

2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí, và xác định kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần nội thất 190

2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Công ty chuyên sản xuất và bán mặt hàng nội thất: Ghế gấp, ghế xoay, bàn gỗ, tủ sắt,... Công ty thực hiện phương thức tiêu thụ trực tiếp tại kho công ty.

+Chứng từ kế toán sử dụng:

Hoá đơn giá trị gia tăng, Hoá đơn mua bán thông thường

Phiếu thu, Giấy báo có,....

Các chứng từ khác có liên quan.

+Tài khoản sử dụng:

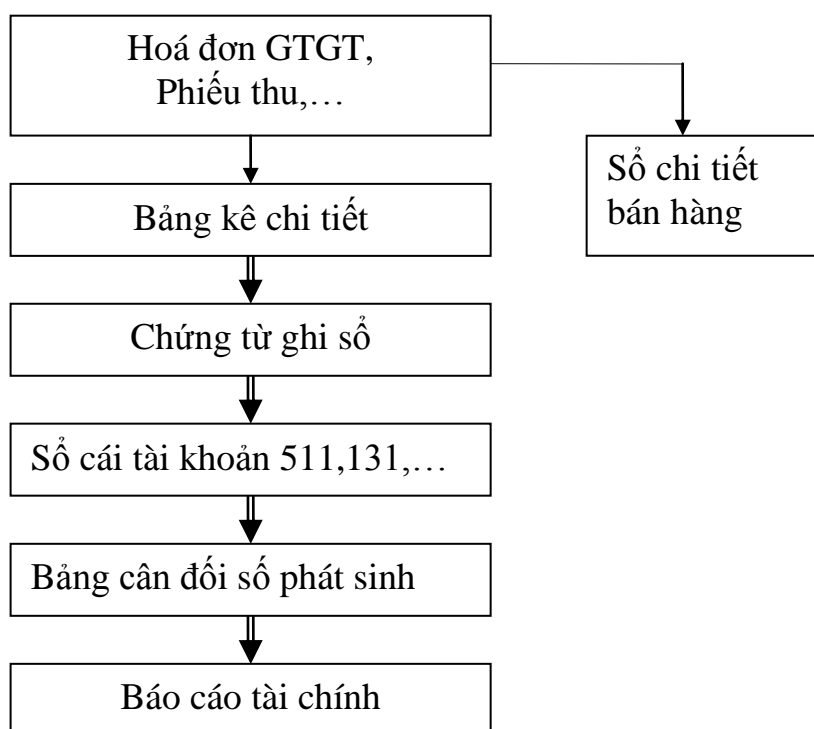
TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

TK111,112,131,3331

Và các tài khoản khác có liên quan.

+Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 2.1: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty cổ phần nội thất 190



Khi khách hàng mua hàng của công ty (tại kho của công ty) thì phòng kinh doanh sẽ viết phiếu xuất kho cho người mua. Căn cứ vào phiếu xuất kho để viết

Khóa luận tốt nghiệp

hoá đơn giá trị gia tăng cho khách hàng. Hoá đơn GTGT được lập thành 3 liên, đặt giấy than viết một lần: Liên 1 màu tím để lưu, liên 2 màu đỏ giao cho khách hàng, liên 3 màu xanh giao cho kế toán dùng để hạch toán. Căn cứ vào hình thức thanh toán của khách hàng để lập chứng từ gốc có liên quan. Phiếu thu nếu khách hàng thanh toán bằng tiền mặt. Phiếu thu được lập thành 3 liên: 1 liên lưu tại công, 1 liên giao cho khách hàng, 1 liên giao cho thủ quỹ. Giấy báo có của ngân hàng nếu khách hàng thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng, chứng từ khác nếu khách hàng trả tiền sau.

Hàng ngày theo hoá đơn giá trị gia tăng, kế toán lập bảng kê chi tiết tài khoản, đồng thời vào sổ chi tiết bán hàng. Cuối tháng lập chứng từ ghi sổ, từ chứng từ ghi sổ, kế toán vào sổ cái 511 và sổ cái các tài khoản khác có liên quan... Cuối năm tổng hợp số liệu lập báo cáo tài chính.

Ví dụ: Ngày 31/12, công ty bán 60 cái ghế gấp cho doanh nghiệp tư nhân Hồng Giang.

Căn cứ vào hoá đơn GTGT 0023319 (biểu 2.1) và phiếu thu (biểu 2.2), kế toán lập bảng kê chi tiết tài khoản 111 (biểu 2.3). Cuối tháng lập chứng từ ghi sổ số 243 (biểu 2.4). Từ chứng từ ghi sổ, kế toán vào sổ cái 511 (biểu 2.5), đồng thời từ hoá đơn GTGT kế toán vào sổ chi tiết bán hàng (biểu 2.6) Cuối năm tổng hợp số liệu lập báo cáo tài chính.

Khóa luận tốt nghiệp

HÓA ĐƠN

Mẫu số : 01 GTKT - 3LL

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

UK/2010B

Liên 3: Nội bộ

0023319

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần nội thất 190

Địa chỉ : Km 89 Mỹ Tranh, Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng

Số tài khoản:

Điện thoại:..... MST: 00656938

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Doanh nghiệp tư nhân Hồng Giang.....

Địa chỉ : 112C Thống Nhất, Lê Thanh Nghệ, Hải Dương.....

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán :..TM.....MST: 200472257

STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Ghế gấp	cái	60	186.364	11.181.840
Cộng tiền hàng					11.181.840
Thuế suất GTGT:10% Tiền thuế GTGT					1.118.184
Tổng cộng tiền thanh toán					12.300.024
Số tiền viết bằng chữ: Mười hai triệu ba trăm nghìn không trăm hai bốn đồng.					

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.1: Hóa đơn GTGT

Khóa luận tốt nghiệp

Công ty cổ phần nội thất 190

Mẫu số 01 - TT

Km89Mỹ Tranh,Nam Sơn,An Dương, HP

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Quyển số:

Số: 1050

PHIẾU THU

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Họ tên người nộp tiền : Nguyễn Thị Hồng

Địa chỉ : Doanh nghiệp tư nhân Hồng Giang.

Lý do nộp : Thanh toán tiền ghé gáp

Số tiền : 12.300.024

Số tiền viết bằng chữ: : Mười hai triệu ba trăm nghìn không trăm hai mươi bốn đồng.

Kèm theo : 01 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập biểu	Thủ quỹ
(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười hai triệu ba trăm nghìn không trăm hai mươi bốn đồng./.

Tỉ giá ngoại tệ:

Số tiền quy đổi:

Biểu 2.2: Phiếu thu

Khóa luận tốt nghiệp

Đơn vị: Công ty cổ phần nội thất 190

Địa chỉ: Km 89 Mỹ Tranh, Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng

BẢNG KÊ CHI TIẾT THÁNG 12 NĂM 2010

Ghi nợ Tài khoản 111

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền	Ghi có các tài khoản		
Ngày tháng	Số hiệu			511	3331
5/12	HD0023276	Công ty cổ phần Hùng Sơn mua hàng	196.500.040	178.636.400	17.863.640	
		
14/12	HD0023287	Bán hàng cho chị Dung	6.897.000	6.270.000	627.000	
		
18/12	HD0023292	Công ty TNHH ONC mua hàng	125.972.000	114.520.000	11.452.000	
			
26/12	HD0023310	Công ty cổ phần Hải Nam mua hàng	238.595.280	216.904.800	21.690.480	
	
31/12	HD0023319	Doanh nghiệp tư nhân Hồng Giang mua hàng	12.300.024	11.181.840	1.118.184	
		Cộng	3.094.426.200	1.037.580.000	103.758.000

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Biểu 2.3: Bảng kê chi tiết tài khoản 111

Khóa luận tốt nghiệp

Công ty cổ phần nội thất 190

Km89 Mỹ Tranh, Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng.

Mẫu số S35-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm(hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Ghế gấp

Tháng 12 năm 2010

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác(521,532..)
								
20/12	HĐ0023305	20/12	Bán ghế gấp	131	40	186.364	7.454.560		
								
25/12	HĐ0023309	25/12	Bán ghế gấp	112	70	186.364	13.045.480		
								
31/12	HĐ0023319	31/12	Bán ghế gấp	111	60	186.364	11.181.840		
			Cộng		675	186.364	125.795.700		

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Biểu 2.6. Sổ chi tiết bán hàng

Khóa luận tốt nghiệp

Công ty cổ phần nội thất 190

Mẫu số S02a - DN

Km89Mỹ Tranh, Nam Sơn, An Dương, HP Ban hành theo QĐ số :15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 243

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

	Số hiệu tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Bán hàng thu tiền mặt	111	511	1.037.580.000
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	111	3331	103.758.000
Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt	111	112	850.000.000
.....
Cộng			3.094.426.200

Kèm theo ...chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Biểu 2.4: Chứng từ ghi sổ số 243

Khóa luận tốt nghiệp

Công ty cổ phần nội thất 190

Mẫu số S02c1 - DN

Km89Mỹ Tranh, Nam Sơn, An Dương, HP Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: TK 511

Đơn vị tính: Đồng

		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Quý IV			
243	31/12	Bán hàng thu tiền mặt	111		1.037.580.000
	
255	31/12	K/c doanh thu quý IV	911	20.413.318.094	
		Cộng		20.413.318.094	20.413.318.094
		Số dư cuối kỳ			

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu 2.5: Sổ cái TK 511

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

+Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho

Công ty tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ. Theo phương pháp này, căn cứ vào giá trị thực tế của hàng hoá tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ, kế toán xác định được giá bình quân của một đơn vị sản phẩm, hàng hoá. Căn cứ vào số lượng hàng hoá xuất ra trong kỳ và giá đơn vị bình quân để xác định trị giá thực tế xuất kho trong kỳ.

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình} \\ \text{quân gia quyền} \\ \text{cả kỳ dự trữ} \end{array} = \frac{\text{Trị giá tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá vốn thực tế của sản} \\ \text{phẩm, hàng hóa xuất kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm, hàng} \\ \text{hóa xuất kho} \end{array} * \begin{array}{l} \text{Đơn giá bình} \\ \text{quân} \end{array}$$

+Chứng từ sử dụng:

Phiếu xuất kho

Phiếu nhập kho

Các chứng từ khác có liên quan

+Tài khoản sử dụng:

TK632: Giá vốn hàng bán

TK155: Thành phẩm

Ví dụ: Ngày 31/12, công ty bán 60 cái ghế gấp cho DNTN Hồng Giang.

Căn cứ vào hoá đơn GTGT 0023319 (biểu 2.1), phiếu xuất kho (biểu 2.7), kế toán lập bảng kê chi tiết tài khoản 155 (biểu 2.8). Cuối tháng lập chứng từ ghi sổ (biểu 2.9), từ chứng từ ghi sổ, kế toán vào sổ cái 632 (biểu 2.10). Đồng thời từ phiếu xuất kho, kế toán lập sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hoá) (biểu 2.11)

Vì công ty áp dụng tính giá trị xuất kho bình quân cả kỳ nên giá vốn của ghế gấp là 184.295đ.

Khóa luận tốt nghiệp

Công ty cổ phần nội thất 190

Mẫu số 02 - VT

Km89Mỹ Tranh, Nam Sơn, An Dương, HP Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU XUẤT KHO

Số: 2105

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Thị Hồng

Tên đơn vị: Doanh nghiệp tư nhân Hồng Giang.....

Địa chỉ : 112C Thống Nhất, phường Lê Thanh Nghệ, Hải Dương

Lý do xuất kho: Xuất hàng đi bán

Xuất tại kho: Kho số 1

Đơn vị tính: VNĐ

Số TT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Ghế gấp	GG15D	Cái	60	60	184.295	11.057.700
Cộng							11.057.700

Tổng số tiền (Viết bằng chữ) : Mười một triệu không trăm năm mươi bảy nghìn bảy trăm đồng chẵn.

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập phiếu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Biểu 2.7: Phiếu xuất kho

Khóa luận tốt nghiệp

Đơn vị: Công ty cổ phần nội thất 190

Địa chỉ: Km 89 Mỹ Tranh, Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng

BẢNG KÊ CHI TIẾT THÁNG 12 NĂM 2010

Ghi có Tài khoản 155

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền	Ghi nợ tài khoản 632
6/12	HĐ0023277	Xuất 20 tủ sắt	70.072.720	70.072.720
	
20/12	HĐ0023294	Xuất 40 ghế gấp	7.371.800	7.371.800
	
22/12	HĐ0023296	Xuất 10 bàn gỗ	4.249.090	4.249.090
	
25/12	HĐ0023309	Xuất 70 ghế gấp	12.900.650	12.900.650
	
31/12	HĐ0023319	Xuất 60 ghế gấp	11.057.700	11.057.700
		Cộng	4.024.943.126	4.024.943.126

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Biểu 2.8: Bảng kê chi tiết tài khoản 155

Khóa luận tốt nghiệp

Công ty cổ phần nội thất 190

Mẫu số S02a - DN

Km89MỹTranh,NamSơn,An Dương, HP Ban hành theo QĐ số15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 245

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

	Số hiệu tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Giá vốn hàng bán trong tháng 12	632	155	4.024.943.126
Cộng			4.024.943.126

Kèm theo ... chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Biểu 2.9: Chứng từ ghi sổ số 245

Khóa luận tốt nghiệp

Công ty cổ phần nội thất 190

Mẫu số S02c1-DN

Km89Mỹ Tranh, Nam Sơn, An Dương, HP Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: TK 632

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Quý IV			
				
245	31/12	Giá vốn hàng bán tháng 12	155	4.024.943.126	
256	31/12	K/c giá vốn hàng bán	911		18.199.823.851
		Cộng số phát sinh		18.199.823.851	18.199.823.851
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.10: Sổ cái

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ)

Tháng 12/2010

Tài khoản : Thành phẩm (155)

Tên quy cách vật liệu, dụng cụ(SP, HH): Ghế gấp

Tiểu khoản:

Mã số vật liệu, dụng cụ (SP, HH): GG15D

Tên kho:

Đơn vị tính: cái

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		Số dư đầu kỳ		182.689					1008	184.150.512
PN1056	1/12	Nhập từ sản xuất	154	185.236	280	51.866.080			1288	238.583.968
.....
PX2001	20/12	Xuất bán	632				40		723	
PX2004	25/12	Xuất bán	632				70		683	
PX2105	31/12	Xuất bán	632	184.295			60	11.057.700	613	112.972.835
		Cộng phát sinh			280	51.866.080	675	124399125		
		Số dư cuối kỳ		184.295					613	112.972.835

Biểu 2.11. Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ(sản phẩm, hàng hoá)

2.2.3. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.

2.2.3.1. Kế toán doanh thu tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là tài khoản phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Doanh thu hoạt động tài chính của công ty cổ phần nội thất 190 chủ yếu là lãi từ tài khoản tiền gửi ngân hàng.

+Chứng từ kế toán sử dụng:

Phiếu thu, giấy báo có, giấy báo lãi của ngân hàng...

Các chứng từ khác có liên quan

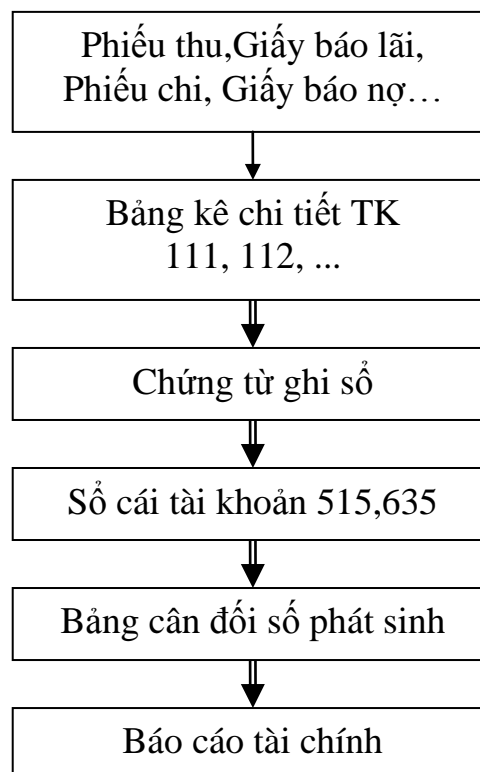
+Tài khoản sử dụng:

TK515- Doanh thu Tài chính

TK112- Tiền gửi ngân hàng

+Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 2.2: Quy trình hạch toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính tại công ty cổ phần nội thất 190



Ví dụ: Ngày 31 tháng 12 năm 2010, công ty nhận được giấy báo lãi của ngân hàng Công thương về lãi tiền gửi ngân hàng.

Khóa luận tốt nghiệp

Căn cứ vào giấy báo lãi (biểu 2.12), kế toán lập bảng kê chi tiết tài khoản 112 (biểu 2.13). Cuối tháng lập chứng từ ghi sổ (biểu 2.14), từ chứng từ ghi sổ, kế toán vào sổ cái 515 (biểu 2.15)

Viettinbank

DDI057P

Branch: 002897NHCTHP

GIẤY BÁO LÃI

(Từ ngày 01/10/2010 đến hết ngày 31/12/2010)

Kính gửi : Công ty cổ phần nội thất 190

Chúng tôi đã tính lãi đến cuối ngày 31/12/2010

Tài khoản số :10201000199674 mở tại ngân hàng chúng tôi với lãi suất và số tiền như sau: Lãi suất (%/năm).Số tiền lãi :1.282.031 VNĐ

Ngân hàng : NH Công Thương Hải Phòng

Kính báo

Biểu 2.12: Giấy báo lãi

Khóa luận tốt nghiệp

Đơn vị: Công ty cổ phần nội thất 190

Địa chỉ: Km 89 Mỹ Tranh, Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng

BẢNG KÊ CHI TIẾT THÁNG 12 NĂM 2010

Ghi nợ Tài khoản 112

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền	Ghi có các tài khoản		
Ngày tháng	Số hiệu			131	311	515
19/12	GBC	Công ty Nam Việt trả tiền hàng	184.747.000	184.747.000		
					
21/12	KU	Vay ngắn hạn	1.000.000.000		1.000.000.000	
					
31/12	GBL	Lãi tiền gửi	1.282.031			1.282.031
		Cộng	2.147.938.031	1.146.656.000	1000.000.000	1.282.031

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Biểu 2.13: Bảng kê chi tiết tài khoản 112

Khóa luận tốt nghiệp

Công ty cổ phần nội thất 190

Mẫu số S02a - DN

Km89MỹTranh,NamSon,An Dương, HP Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 241

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Tập hợp tăng tiền gửi ngân hàng.			
Phải thu khách hàng	112	131	1.146.656.000
Vay ngắn hạn	112	311	1.000.000.000
Lãi tiền gửi	112	515	1.282.031
.....			
Cộng			2.147.938.031

Kèm theo ... chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Biểu 2.14: Chứng từ ghi sổ số 241

Khóa luận tốt nghiệp

Công ty cổ phần nội thất 190

Mẫu số S02c1-DN

Km89Mỹ Tranh, Nam Sơn, An Dương, HP Ban hành theo QĐ số :15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Doanh thu tài chính

Số hiệu: TK 515

Đơn vị tính: Đồng

NT Ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Quý IV			
					
30/11	194	30/11	Tập hợp tăng tiền gửi ngân hàng	112		5.125.750
31/12	241	31/12	Tập hợp tăng tiền gửi ngân hàng	112		1.282.031
31/12	255	31/12	K/c doanh thu xác định KQKD	911	14.375.228	
			Cộng số phát sinh		14.375.228	14.375.228
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.15: Sổ cái tài khoản 515

2.2.3.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính của công ty chủ yếu là khoản trả tiền lãi vay ngân hàng,...

+Chứng từ kế toán sử dụng:

Giấy báo nợ của Ngân hàng, phiếu chi,...

Các chứng từ khác có liên quan.

+Tài khoản sử dụng:

TK 635- Chi phí tài chính

TK111,112-Tiền mặt,Tiền gửi ngân hàng

+Phương pháp hạch toán: Phương pháp hạch toán được khái quát theo sơ đồ 2.2

Ví dụ: Ngày 23 tháng 12 năm 2010, Công ty trả lãi tiền vay quý 4 bằng TGNH. Số tiền là: 35.368.000 đồng . Căn cứ vào giấy báo nợ (biểu số 2.16), kế toán lập bảng kê chi tiết (biểu số 2.17). Cuối tháng lập chứng từ ghi sổ (biểu số 2.18). Từ chứng từ ghi sổ, kế toán vào sổ cái TK 635 (biểu số 2.19), các tài khoản khác có liên quan,..

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU
ASIA COMMERCIAL BANK

Mã GDV: BATCH

Mã KH: 10366

Số GD: 0

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 23/12/2010

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN NỘI THẤT 190

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Nợ: 3409698

Số tiền bằng số: 35.368.000

Số tiền bằng chữ: Ba mươi năm triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng.

Nội dung: ## Trả lãi tiền vay ##

Giao dịch viên

Kiểm soát

Biểu số: 2.16: Giấy báo nợ

Khóa luận tốt nghiệp

Đơn vị: Công ty cổ phần nội thất 190

Địa chỉ: Km 89 Mỹ Tranh, Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng

BẢNG KÊ CHI TIẾT THÁNG 12 NĂM 2010

Ghi có Tài khoản 112

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền	Ghi nợ các tài khoản			
Ngày	Số hiệu			133	152	635	...
17/12	UNC75	Mua nguyên vật liệu	28.202.064	2.563.824	25.638.240		
						
23/12	GBN	Trả lãi vay	35.368.000			35.368.000	
						
25/12	UNC78	Mua nguyên vật liệu	62.739.182	5.703.562	57.035.620		
						
		Cộng	1.293.978.159	39.702.815	397.028.150	35.368.000	

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Biểu 2.17: Bảng kê chi tiết tài khoản 112

Khóa luận tốt nghiệp

Công ty cổ phần nội thất 190

Mẫu số S02a - DN

Km89MỹTranh,NamSon,An Dương, HP Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 242

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Mua nguyên vật liệu	152	112	397.028.150
Thuế GTGT đầu vào	133	112	39.702.815
Trả lãi vay	635	112	35.368.000
.....			
Cộng			1.293.978.159

Kèm theo ... chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Biểu 2.18: Chứng từ ghi sổ số 242

Khóa luận tốt nghiệp

Công ty cổ phần nội thất 190

Mẫu số S02c1-DN

Km89Mỹ Tranh,Nam Sơn,An Dương, HP Ban hành theo QĐ số :15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí hoạt động tài chính

Số hiệu: TK 635

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
242	31/12	Trả lãi vay quý 4(TGNH)	112	35.368.000	
244	31/12	Trả lãi vay quý 4(TM)	111	8.271.875	
				
256	31/12	K/c chi phí	911		79.064.315
		Cộng số phát sinh		79.064.315	79.064.315
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.19: Sổ cái TK 635

2.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

2.2.4.1. Kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là những chi phí thực tế phát sinh phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá của công ty bao gồm: chi phí vật liệu bảo quản, vận chuyển...

+Chứng từ kế toán sử dụng:

Phiếu chi ,Hoá đơn GTGT

Bảng phân bổ tiền lương,BHXH

Bảng phân bổ khấu hao

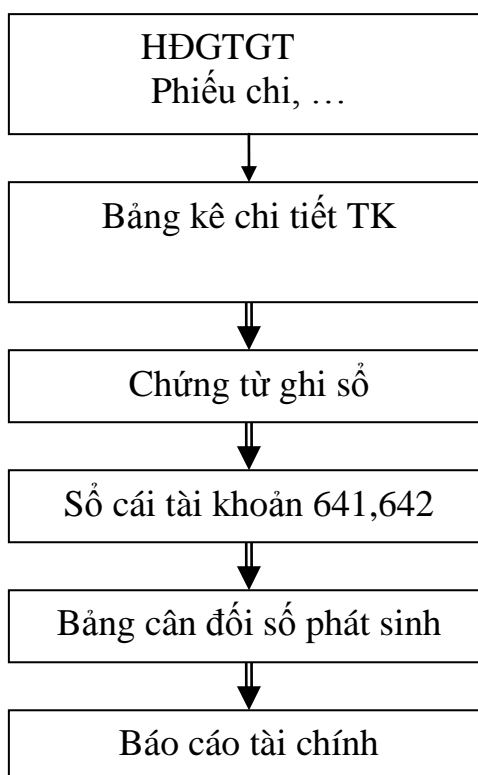
Các chứng từ khác có liên quan

+Tài khoản sử dụng:

TK 641- Chi phí bán hàng

+Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 2.3: Quy trình hạch toán chi phí bán hàng, chi phí QLDN tại công ty CP nội thất 190



Ví dụ: Ngày 27 tháng 12 năm 2010, công ty sử dụng dịch vụ vận chuyển hàng hoá của công ty TNHH vận tải Hoàng Hiệp theo hoá đơn GTGT số 0023325(biểu 2.20)

Khóa luận tốt nghiệp

Căn cứ vào hoá đơn, phiếu chi (biểu 2.21), kế toán lập bảng kê chi tiết (biểu 2.22), lập chứng từ ghi sổ (biểu số 2.23). Từ chứng từ ghi sổ, kế toán vào sổ cái TK 641 (biểu số 2.24)

HÓA ĐƠN

Mẫu số : 01GTKT - 3LL

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

UK/2010B

Liên 2: Giao khách hàng

0023325

Ngày 27 tháng 12 năm 2010

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH vận tải Hoàng Hiệp.....

Địa chỉ : 326 lô 22 Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, Hải Phòng.....

Số tài khoản:.....

Điện thoại:..... MS:0200534045.....

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty cổ phần nội thất 190.....

Địa chỉ : Km 89 Mỹ Tranh, Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng

Số tài khoản:.....

Hình thức thanh toán :..TM.....MS: 0200656938.....

Số TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Cước vận chuyển hàng	chuyển	1	4.339.091	4.339.091
Cộng tiền hàng					4.339.091
Thuế suất GTGT:10% Tiền thuế GTGT					433.909
Tổng cộng tiền thanh toán					4.773.000
Số tiền viết bằng chữ: Bốn triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn đồng chẵn .					

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.20: Hoá đơn giá trị gia tăng

Khóa luận tốt nghiệp

Công ty cổ phần nội thất 190

Mẫu số 02-TT

Km89Mỹ Tranh, Nam Sơn, An Dương, HP Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Quyển số:

Ngày 27 tháng 12 năm 2010

Số 2483

Người nhận tiền: Nguyễn Văn An

Đơn vị : Công ty TNHH vận tải Hoàng Hiệp

Địa chỉ : 326 lô 22 Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, Hải Phòng

Lý do chi : Thanh toán tiền cước vận chuyển

Số tiền : 4.773.000

Viết bằng chữ : Bốn triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn đồng chẵn .

Kèm theo : 01 Chứng từ gốc

Ngày 27 tháng 12 năm 2010

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ) : Bốn triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn đồng chẵn .

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):

+Số tiền quy đổi:

Biểu số 2.21: Phiếu chi

Khóa luận tốt nghiệp

Đơn vị: Công ty cổ phần nội thất 190

Địa chỉ: Km 89 Mỹ Tranh, Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng

BẢNG KÊ CHI TIẾT THÁNG 12 NĂM 2010

Ghi có Tài khoản 111

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền	Ghi nợ các tài khoản			
Ngày	Số hiệu			635	641	642	...
	
23/12	PC2470	Chi tiếp khách	2.000.000			2.000.000	
27/12	PC2483	Thanh toán tiền cước vận chuyển	4.773.000		4.773.000		
28/12	PC 2484	Chi tiền mua văn phòng phẩm	1.034.300			1.034.300	
29/12	PC2485	Trả tiền lãi vay	8.271.875	8.271.875			
	
31/12	PC2497	Chi tiền đồ mực máy in	1.650.000			1.650.000	
		Cộng	987.258.345	8.271.875	34.856.510	156.214.354	

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Biểu 2.22: Bảng kê chi tiết tài khoản 111

Khóa luận tốt nghiệp

Công ty cổ phần nội thất 190

Mẫu số 02-TT

Km89Mỹ Tranh,Nam Sơn,An Dương, HP Ban hành theo QĐ số15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 244

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Trả lãi vay	635	111	8.271.875
Chi phí bán hàng	641	111	34.856.510
Chi phí quản lý doanh nghiệp	642	111	156.214.354
.....			
Cộng			987.258.345

Kèm theo ... chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Biểu 2.23: Chứng từ ghi sổ số 244

Khóa luận tốt nghiệp

Công ty cổ phần nội thất 190

Mẫu số S02c1-DN

Km89Mỹ Tranh, Nam Sơn, An Dương, HP Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu: TK 641

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Quý IV			
				
244	31/12	Chi phí phục vụ bán hàng	111	34.856.510	
246	31/12	Chi phí tiền lương	334	29.253.520	
247	31/12	Các khoản trích theo lương	338	1.056.000	
				
256	31/12	K/c chi phí bán hàng	911		689.173.804
		Cộng phát sinh quý IV		689.173.804	689.173.804
		Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.24: Sổ cái tài khoản 641

2.2.4.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là tài khoản phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài khác (điện, nước, fax, cháy, nổ,...), chi phí bằng tiền khác (chi phí tiếp khách , hội nghị khách hàng,...)

+Chứng từ kế toán sử dụng:

Phiếu chi ,Hoá đơn GTGT

Bảng phân bổ tiền lương,BHXH

Bảng phân bổ khấu hao

Các chứng từ khác có liên quan

+Tài khoản sử dụng:

TK642-Chi phí quản lí doanh nghiệp

+Phương pháp hạch toán:

Phương pháp hạch toán được khái quát theo sơ đồ 2.3

Ví dụ: Ngày 31 tháng 12 năm 2010, công ty thanh toán tiền đồ mực máy in cho công ty Trần Ly, tổng số tiền có cả thuế là: 1.650.000 đồng.

Căn cứ vào hoá đơn GTGT 0023325 (Biểu số 2.25), phiếu chi (Biểu 2.26), kế toán lập bảng kê chi tiết(Biểu 2.22), sau đó vào chứng từ ghi sổ(Biểu số 2.23). Từ chứng từ ghi sổ, kế toán vào sổ cái TK 642 (Biểu số 2.27)

Khóa luận tốt nghiệp

HÓA ĐƠN

Mẫu số : 01 GTKT - 3LL

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

UK/2010B

Liên 2: Giao khách hàng

0023328

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Trần Ly

Địa chỉ : 42 Tô Hiệu, Lê Chân, Hải Phòng

Số tài khoản:

Điện thoại:..... MST:0200656938

Họ tên người mua hàng:

Đơn vị: Công ty cổ phần nội thất 190

Địa chỉ : Km 89 Mỹ Tranh, Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán :..TM.....MST: 0200472257

STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Mực MC260	lọ	15	100.000	1.500.000
Cộng tiền hàng					1.500.000
Thuế suất GTGT:10% Tiền thuế GTGT					150.000
Tổng cộng tiền thanh toán					1.650.000
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.					

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.25: Hoá đơn giá trị gia tăng

Khóa luận tốt nghiệp

Công ty cổ phần nội thất 190

Mẫu số 02-TT

Km89Mỹ Tranh,Nam Sơn,An Dương, HP Ban hành theo QĐ số :15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Quyển số

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số 2497

Họ và tên: Phạm Thị Nhung

Đơn vị: Công ty TNHH Trần LY

Địa chỉ: 42Tô hiệu, Lê CHân, Hải Phòng

Lý do chi: Trả tiền đồ mực

Số tiền: 1.650.000

Viết bằng chữ : Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng chẵn

Kèm theo:chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Giám đốc Kế toán trưởng

Người lập

Người nhận

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ) : Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng chẵn

+Tỷ giá ngoại tệ(vàng bạc, đá quý):

+Số tiền quy đổi:

Biểu số 2.26: Phiếu chi số 2497

Khóa luận tốt nghiệp

Đơn vị: Công ty cổ phần nội thất 190

Địa chỉ: Km 89 Mỹ Tranh, Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng

BẢNG KÊ CHI TIẾT THÁNG 12 NĂM 2010

Ghi có Tài khoản 111

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền	Ghi nợ các tài khoản			
Ngày	Số hiệu			635	641	642	...
	
23/12	PC2470	Chi tiếp khách	2.000.000			2.000.000	
27/12	PC2483	Thanh toán tiền cước vận chuyển	4.773.000		4.773.000		
28/12	PC 2484	Chi tiền mua văn phòng phẩm	1.034.300			1.034.300	
29/12	PC2485	Trả tiền lãi vay	8.271.875	8.271.875			
	
31/12	PC2497	Chi tiền đổ mực máy in	1.650.000			1.650.000	
		Cộng	987.258.345	8.271.875	34.856.510	156.214.354	

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Biểu 2.22: Bảng kê chi tiết tài khoản 111

Khóa luận tốt nghiệp

Công ty cổ phần nội thất 190

Mẫu số 02-TT

Km89Mỹ Tranh,Nam Sơn,An Dương, HP Ban hành theo QĐ số15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 244

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Trả lãi vay	635	111	8.271.875
Chi phí bán hàng	641	111	34.856.510
Chi phí quản lý doanh nghiệp	642	111	156.214.354
.....			
Cộng			987.258.345

Kèm theo ... chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Biểu 2.23: Chứng từ ghi sổ số 244

Khóa luận tốt nghiệp

Công ty cổ phần nội thất 190

Mẫu số S02c1-DN

Km89Mỹ Tranh, Nam Sơn, An Dương, HP Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: TK 642

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
				
244	31/12	Chi phí QLDN bằng TM	111	156.214.354	
246	31/12	Chi phí tiền lương	334	48.856.600	
247	31/12	Các khoản trích theo lương	338	1.946.000	
				
256	31/12	K/c chi phí QLDN	911		981.912.744
		Cộng số phát sinh quý IV		981.912.744	981.912.744
		Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.27: Sổ cái tài khoản 642

2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

+Chứng từ sử dụng

Phiếu kế toán

+Tài khoản sử dụng

TK911 – Xác định kết quả kinh doanh

Các tài khoản liên quan khác như: 511,632,641,642,421,....

Cách xác định kết quả kinh doanh:

Kết quả kinh doanh = Doanh thu thuần - Giá vốn + DT tài chính - Chi phí tài chính - Chi phí BH, QLDN + Thu nhập khác - Chi phí khác

+Quy trình hạch toán: Cuối quý, kế toán lập các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, tính số thuế TNDN phải nộp. Kế toán lập chứng từ ghi sổ, vào sổ cái tài khoản 911 và các tài khoản khác có liên quan.

Đơn vị: Công ty cổ phần nội thất 190

Địa chỉ: Km89 Mỹ Tranh, Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: 216

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Kết chuyển doanh thu			
1	Doanh thu bán hàng	511	911	20.413.318.094
2	Doanh thu hoạt động tài chính	515	911	14.375.228
	Cộng			20.427.693.322

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập phiếu

Biểu số 2.28. Phiếu kế toán

Khóa luận tốt nghiệp

Đơn vị: Công ty cổ phần nội thất 190

Địa chỉ: Km89 Mỹ Tranh, Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: 217

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Kết chuyển chi phí			
1	Giá vốn hàng bán	911	632	18.199.823.851
2	Chi phí bán hàng	911	641	689.173.804
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	981.912.744
4	Chi phí tài chính	911	635	79.064.315
	Cộng			19.949.947.714

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Biểu số 2.29. Phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty cổ phần nội thất 190

Địa chỉ: Km89 Mỹ Tranh, Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: 218

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Xác định thuế TNDN	821	3334	119.429.652
	Cộng			119.429.652

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập phiếu

Biểu số 2.30. Phiếu kế toán

Khóa luận tốt nghiệp

Đơn vị: Công ty cổ phần nội thất 190

Địa chỉ: Km89 Mỹ Tranh, Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: 219

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	8211	119.429.652
	Cộng			119.429.652

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập phiếu

Biểu số 2.31. Phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty cổ phần nội thất 190

Địa chỉ: Km89 Mỹ Tranh, Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: 220

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	421	358.288.956
	Cộng			358.288.956

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập phiếu

Biểu số 2.32. Phiếu kế toán

Khóa luận tốt nghiệp

Công ty cổ phần nội thất 190

Mẫu số S02a-DN

Km89 Mỹ Tranh, Nam Sơn, An Dương, HP Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 255

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển doanh thu			
Doanh thu bán hàng	511	911	20.413.318.094
Doanh thu hoạt động tài chính	515	911	14.375.228
Cộng			20.427.693.322

Kèm theo ... chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Biểu 2.33: Chứng từ ghi sổ số 255

Khóa luận tốt nghiệp

Công ty cổ phần nội thất 190

Mẫu số S02a-DN

Km89 Mỹ Tranh, Nam Sơn, An Dương, HP Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 256

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển chi phí			
Giá vốn hàng bán	911	632	18.199.823.851
Chi phí bán hàng	911	641	689.173.804
Chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	981.912.744
Chi phí tài chính	911	635	79.064.315
Cộng			19.949.974.714

Kèm theo ... chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Biểu 2.34: Chứng từ ghi sổ số 256

Khóa luận tốt nghiệp

Công ty cổ phần nội thất 190

Mẫu số S02a-DN

Km89 Mỹ Tranh, Nam Sơn, An Dương, HP Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 257

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Xác định thuế TNDN			
Thuế TNDN	821	3334	119.429.652
Cộng			119.429.652

Kèm theo ... chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Biểu 2.35: Chứng từ ghi sổ số 257

Khóa luận tốt nghiệp

Công ty cổ phần nội thất 190

Mẫu số S02a-DN

Km89 Mỹ Tranh, Nam Sơn, An Dương, HP Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 258

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	8211	119.429.652
Cộng			119.429.652

Kèm theo ... chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Biểu 2.36: Chứng từ ghi sổ số 258

Khóa luận tốt nghiệp

Công ty cổ phần nội thất 190

Mẫu số S02a-DN

Km89 Mỹ Tranh, Nam Sơn, An Dương, HP Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 259

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển lãi	911	421	358.288.956
Cộng			358.288.956

Kèm theo ... chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Biểu 2.37: Chứng từ ghi sổ số 259

Khóa luận tốt nghiệp

Công ty cổ phần nội thất 190

Mẫu số S02c1-DN

Km89Mỹ Tranh, Nam Sơn, An Dương, HP Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: TK 911

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
				Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
255	31/12	Kết chuyển DTBH	511		20.413.318.094
255	31/12	Kết chuyển DTTC	515		14.375.228
256	31/12	Kết chuyển GVHB	632	18.199.823.851	
256	31/12	Kết chuyển CPBH	641	689.173.804	
256	31/12	Kết chuyển CPQLDN	642	981.912.744	
256	31/12	Kết chuyển CPTC	635	79.064.315	
258	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	119.429.652	
259	31/12	Kết chuyển lãi	421	358.288.956	
		Cộng số phát sinh		20.427.693.322	20.427.693.322
		Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.38: Sổ cái tài khoản 911

Khóa luận tốt nghiệp

Công ty cổ phần nội thất 190

Mẫu số S02c1-DN

Km89Mỹ Tranh, Nam Sơn, An Dương, HP Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu: TK 8211

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
				Nợ	Có
Số hiệu	Ngày tháng				
		Số dư đầu kỳ			
257	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	3334	119.429.652	
258	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		119.429.652
		Cộng số phát sinh		119.429.652	119.429.652
		Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.39: Sổ cái tài khoản 8211

**MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN NỘI THẤT 190**

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần nội thất 190.

Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một nội dung quan trọng trong công tác kế toán của công ty cổ phần nội thất 190. Bởi lẽ nó liên quan đến việc xác định kết quả và khoản thu nhập thực tế vào phần phải nộp cho ngân sách nhà nước đồng thời nó phản ánh sự vận động của tài sản, tiền vốn của công ty trong lưu thông trên cơ sở đặc điểm của từng phần hành kế toán doanh thu, chi phí đã vận dụng linh hoạt lý luận vào thực tiễn. Kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh bên cạnh việc cung cấp thông tin cho các cơ quan chức năng như cơ quan thuế, ngân hàng.....Cung cấp đầy đủ thông tin cho lãnh đạo doanh nghiệp giúp ban giám đốc doanh nghiệp có những quyết định về hoạt động sản xuất kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm và chiến lược nắm bắt kịp thời, đúng đắn và hiệu quả.

Trong quá trình phát triển lãnh đạo công ty đã tự tìm cho mình hướng đi phù hợp với khả năng đa dạng sản phẩm, mở rộng thị trường trên cả nước. Để có những kết quả như ngày nay thì không thể không kể đến những cố gắng, nỗ lực của đội ngũ nhân viên tận tụy, nhiệt tình với công việc chịu khó tìm tòi, học hỏi để đổi mới công ty, xây dựng công ty vững mạnh. Và đặc biệt là của đội ngũ nhân viên kế toán trong công ty với những nỗ lực trong việc theo kịp những yêu cầu về công tác tổ chức kế toán trong điều kiện nền kinh tế nước ta có nhiều chuyển biến.

3.1.1. Ưu điểm

+Về bộ máy kế toán: Công ty đã lựa chọn bộ máy kế toán tập trung. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân công lao động, chuyên môn hoá công việc, tạo điều kiện nâng cao trình độ của kế toán viên. Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức quy củ, có kế hoạch sắp xếp chỉ đạo từ trên xuống, các báo cáo được lập nhanh chóng đảm bảo cung cấp thông tin chính xác,

đầy đủ, kịp thời phục vụ cho công tác quản lý. Các phần việc kế toán được phân công tương đối rõ ràng cho từng kế toán viên trong phòng, có sự kết hợp chặt chẽ giữa các phần hành kế toán với nhau, đảm bảo tính thống nhất trong phạm vi ghi chép.

+Về chứng từ và luân chuyển chứng từ: Hệ thống chứng từ đã được xây dựng phù hợp theo đúng mẫu biểu quy định, tổ chức luân chuyển chứng từ hợp lý tạo điều kiện cho việc kê khai thuế, nộp thuế thuận lợi. Các chứng từ được tổng hợp và lưu trữ, bảo quản cẩn thận. Quá trình luân chuyển chứng từ một cách hợp lí.

+Về hệ thống tài khoản sử dụng: Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo quy định của Bộ Tài Chính và các chuẩn mực kế toán mới thống nhất trên cả nước.

+Về sổ sách: Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức kế toán “Chứng từ ghi sổ”. Hình thức chứng từ ghi sổ đáp ứng được nhu cầu phản ánh nghiệp vụ chính xác, ghi chép khoa học, thuận tiện cho công ty. Việc xử lý các thông tin kế toán phù hợp với trình độ năng lực và điều kiện trang thiết bị tính toán cũng như yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

+ Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được quản lý chặt chẽ, cung cấp kịp thời thông tin cho ban giám đốc đưa ra chính sách hợp lý, tiết kiệm chi phí nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

3.1.2.Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty vẫn còn một số hạn chế sau:

+Công ty không sử dụng phần mềm kế toán máy. Hiện nay công việc kế toán vừa tiến hành bằng máy vừa viết tay nên gây mất nhiều thời gian mà dễ nhầm lẫn, sai sót.

+Về chính sách trong ưu đãi trong tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm: Hiện nay công ty chưa có chính sách ưu đãi trong kinh doanh, đó là việc cho khách hàng hưởng các khoản chiết khấu. Thực tế cho thấy rằng các chính sách ưu đãi trong kinh doanh cũng là một trong những biện pháp nâng cao hiệu quả năng lực cạnh tranh của công ty, đẩy nhanh doanh số tiêu thụ và rút ngắn vòng quay vốn, nâng

cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Điều này trong nền kinh tế thị trường như hiện nay là rất cần thiết cho sự tồn tại của doanh nghiệp.

+Về hệ thống sổ sách: Hiện nay, tại công ty đang sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ, mặc dù chứng từ ghi sổ đã được lập nhưng thiếu Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, khiến cho việc quản lý các chứng từ ghi sổ không được chặt chẽ, các chứng từ ghi sổ không được sắp xếp thuận lợi cho việc vào Sổ cái, khó khăn trong việc kiểm tra, đối chiếu giữa sổ đăng ký chứng từ ghi sổ với bảng cân đối số phát sinh.

Kế toán không mở Sổ chi phí sản xuất kinh doanh để theo dõi giá vốn hàng bán cho từng sản phẩm, điều này sẽ gây khó khăn cho việc tập hợp chi phí và tính giá thành của từng sản phẩm.

Kế toán không mở Sổ chi phí sản xuất kinh doanh để theo dõi chi tiết cho TK 642 theo từng yếu tố, điều này sẽ gây khó khăn cho việc hạch toán chi phí và theo dõi từng yếu tố của chi phí quản lý doanh nghiệp.

Công ty không có bảng tổng hợp chi tiết nên rất khó khăn trong việc theo dõi, kiểm tra, đối chiếu và cung cấp thông tin kịp thời, chính xác khi có yêu cầu của nhà quản lý

+Về việc luân chuyển chứng từ: chứng từ kế toán rất quan trọng đến công tác quản lý tài chính nói chung và công tác tập hợp chi phí nói riêng. Việc lập chứng từ ở công ty chưa kịp thời, nhanh gọn, luân chuyển chứng từ còn chậm, không đảm bảo đúng thời hạn quy định.

+Về phương thức tiêu thụ thành phẩm: trên thực tế có nhiều phương thức tiêu thụ giúp cho doanh nghiệp có thể đáp ứng nhu cầu và tạo sự hài lòng cho khách hàng khi mua hàng, nhưng công ty chưa áp dụng đa dạng phương pháp tiêu thụ.

3.1.3. Nguyên nhân của thực trạng

- Do thói quen: Trong công ty việc hạch toán và phương pháp hạch toán rất ít được thay đổi. Đây là thói quen cố hữu và tồn tại của một số thành viên trong phòng kế toán. Họ không muốn thay đổi phương pháp làm việc.

- Tuổi thọ của công ty vẫn còn non, chưa đủ để công ty có thể giữ được vị thế vững chắc trên thị trường.

- Công ty vẫn chưa nắm bắt được kịp thời các chế độ chính sách kế toán để áp dụng trong công tác kế toán.

- Đội ngũ cán bộ nhân viên có trình độ nhưng vẫn chưa linh hoạt trong vấn đề cập nhật thông tin.

3.2. Nguyên tắc và yêu cầu hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần nội thất 190

3.2.1. Nguyên tắc hoàn thiện

Nguyên tắc phù hợp: Nguyên tắc này đòi hỏi giá phí phải gánh chịu trong việc tạo ra doanh thu bất kể là giá phí phát sinh ở kỳ nào, nó phải phù hợp với kỳ mà trong đó doanh thu được ghi nhận.

Nguyên tắc khả thi: Nguyên tắc này đảm bảo doanh nghiệp có thể thực hiện và tuân thủ các quy định, chế độ chính sách về kế toán và chuẩn mực do nhà nước ban hành phù hợp với yêu cầu về trình độ chuyên môn nghiệp vụ của nhân viên kế toán.

Nguyên tắc hiệu quả: Chi phí bỏ ra để thực hiện biện pháp hoàn thiện phải tốt hơn, hiệu quả hơn so với chi phí chưa hoàn thiện. Theo nguyên tắc này, thông tin về doanh thu và xác định kết quả kinh doanh cung cấp cho giám đốc và hội đồng quản trị của công ty phải thiết thực, hữu ích để giám đốc và hội đồng quản trị công ty có thể đưa ra những quyết định đúng đắn.

3.2.2. Yêu cầu hoàn thiện

Công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là một khâu quan trọng trong công tác quản lý kinh doanh của doanh nghiệp. Để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Cung cấp số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách trung thực, khách quan, dễ hiểu.
- Số liệu phải kịp thời, chính xác.
- Số liệu kế toán phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch, công khai.
- Đảm bảo thiết thực, khả thi.

3.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần nội thất 190.

Trong thời gian thực tập, tìm hiểu thực tế về công tác kế toán tại công ty cổ phần nội thất 190, em nhận thấy công tác kế toán tại công ty đã tuân thủ theo đúng chế độ của nhà nước, tương đối phù hợp với điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp hiện nay. Tuy nhiên, công ty vẫn còn một số vấn đề chưa hoàn toàn hợp lý và chưa thật tối ưu. Với góc độ là một sinh viên thực tập, em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhằm cải thiện hơn công tác kế toán tại công ty như sau:

Kiến nghị 1: Về việc áp dụng phần mềm kế toán

Công ty nên ứng dụng phần mềm kế toán máy để xử lý số liệu thuận tiện hơn, giảm bớt khối lượng ghi chép và tính toán, xử lý và cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời về tình hình tài chính của công ty, tạo niềm tin vào các báo cáo tài chính mà công ty cung cấp cho các đối tượng bên ngoài. Hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán máy chuyên dụng, hỗ trợ hiệu quả cho công tác kế toán mà công ty có thể tham khảo lựa chọn như: phần mềm kế toán Misa, phần mềm kế toán Fast, phần mềm kế toán Sasinova...

Kiến nghị 2: Về chính sách trong ưu đãi trong tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm

Để đẩy nhanh công tác tiêu thụ sản phẩm, thu hồi nợ nhanh chóng, doanh nghiệp cần có chính sách khuyến khích đối với khách hàng. Doanh nghiệp nên áp dụng chính sách chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán. Công ty có thể áp dụng chiết khấu thương mại trong một số trường hợp sau:

- Đối với khách hàng thường xuyên ký hợp đồng có giá trị lớn công ty có thể giảm giá trị hợp đồng theo tỉ lệ phần trăm nào đó trên tổng giá trị hợp đồng.
- Đối với khách hàng lần đầu có mối quan hệ mua bán với công ty nhưng mua hàng với khối lượng lớn, công ty có thể áp dụng tỷ lệ chiết khấu cao hơn nhằm khuyến khích khách hàng có mối quan hệ thường xuyên hơn với mình, tạo lợi thế cạnh tranh với doanh nghiệp có cùng mặt hàng với công ty.

Để hạch toán chiết khấu thương mại công ty sử dụng tài khoản 521 - chiết khấu thương mại. Khi hạch toán phải đảm bảo: chỉ hạch toán vào tài khoản này khi người mua được hưởng.

Khóa luận tốt nghiệp

*Chiết khấu thanh toán là số tiền giảm trừ cho người mua do người mua thanh toán tiền hàng trước thời hạn quy định trên hợp đồng hoặc trong bản cam kết. Số tiền chiết khấu này được hạch toán vào tài khoản 635 - Chi phí hoạt động tài chính..

Kiểm nghị 3: Về sổ sách kế toán

Công ty còn thiếu Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, điều này là chưa phù hợp so với quy định của Bộ tài chính. Vì vậy công ty cần xem xét, bổ sung cho phù hợp, thống nhất với quy định. Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ giúp cho việc quản lý các chứng từ ghi sổ được chặt chẽ, các chứng từ ghi sổ được sắp xếp thuận lợi cho việc vào Sổ cái, kiểm tra đối chiếu được dễ dàng giữa Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ với Bảng cân đối số phát sinh. Sau đây em xin trích mẫu sổ này

Biểu 3.1: Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

Đơn vị:

Mẫu số S02b1-DN

Địa chỉ:

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng	
Cộng		

Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang...

Ngày mở sổ ...

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Khóa luận tốt nghiệp

Ví dụ: Khi phát sinh các nghiệp vụ, kế toán căn cứ vào chứng từ gốc lập chứng từ ghi sổ vào cuối tháng, từ chứng từ ghi sổ đã lập, kế toán vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ theo trình tự thời gian.

Công ty cổ phần nội thất 190

Mẫu số S02b1-DN

Km89Mỹ Tranh, Nam Sơn, An Dương, HP Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2010

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng	
.....
241	31/12/2010	2.147.938.031
.....
243	31/12/2010	3.094.426.200
244	31/12/2010	987.258.345
.....
258	31/12/2010	119.429.652
259	31/12/2010	358.288.956
Cộng		194.157.920.213

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập sổ

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Khóa luận tốt nghiệp

Công ty nên mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh (Biểu 3.2) giúp cho bộ phận kế toán của công ty theo dõi chi tiết các tài khoản 621,622,627,632,... để thuận lợi cho quá trình tính toán và cập nhật thông tin.

Biểu 3.2. Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Đơn vị:

Mẫu số S36-DN

Địa chỉ

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Dùng cho các tài khoản 621, 623, 627, 154, 631, 641, 642, 242, 335, 632

Tài khoản:

Tên sản phẩm, dịch vụ:

Tên phân xưởng:

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Tổng số tiền	Chia ra			
	SH	NT							

Khóa luận tốt nghiệp

Lấy lại ví dụ ở phần giá vốn hàng bán. Căn cứ vào chứng từ gốc, kế toán vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh theo trình tự thời gian.

Công ty cổ phần nội thất 190

Km89Mỹ Tranh,Nam Sơn,An Dương, HP

Mẫu sốS36-DN

Ban hành theo QĐ số15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: Giá vốn hàng bán - 632

Tên sản phẩm: Ghế gấp

Tên phân xưởng:

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Tổng số tiền		Chia ra			
	SH	NT			Nợ	Có				
.....				
25/12	PX2004	25/12	Giá vốn hàng bán	155	12.900.650					
31/12	PX2105	31/12	Giá vốn hàng bán	155	11.057.700					
.....				
31/12	PKT	31/12	K/c giá vốn hàng bán	911	1.195.634.204	1.195.634.204				
			Cộng phát sinh			1.195.634.204				

Biểu 3.2. Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Khóa luận tốt nghiệp

Ví dụ: Ghi sổ chi phí sản xuất kinh doanh tài khoản 642 tháng 12/2010. Căn cứ vào chứng từ gốc, kế toán vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh. Sổ này được ghi hàng ngày khi có nghiệp vụ phát sinh.

Công ty cổ phần nội thất 190

Km89Mỹ Tranh, Nam Sơn, An Dương, HP

Mẫu số S36-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp - 642

Tên sản phẩm, dịch vụ:

Tên phân xưởng:

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Tổng số tiền		Chia ra			
	SH	NT			Nợ	Có	6421	6422	6423
				
6/12	0023277	6/12	Mua dụng cụ, đồ dùng	111	478.550					478.550
31/12	BPBL	31/12	Lương nhân viên QLDN	334	48.856.600		48.856.600			
									
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển chi phí	911		981.912.744				
			Cộng phát sinh		981.912.744	981.912.744	115.623.126	125.367.000	

Khóa luận tốt nghiệp

Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ(sản phẩm,hàng hoá) (mẫu biểu3.3), giúp kế toán biết được tình hình về số tiền và số liệu nhập - xuất - tồn của từng sản phẩm hay dụng cụ, vật liệu.

Biểu 3.3.Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ(sản phẩm,hàng hoá)

Đơn vị:

Mẫu số S11-DN

Địa chỉ:

Ban hành theo QĐ số15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ)

Tài khoản :

Tháng năm

STT	Mã số	Tên quy cách vật liệu, sản phẩm,hàng hoá	Đơn vị tính	Tồn đầu		Nhập		Xuất		Tồn cuối	
				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền

Khóa luận tốt nghiệp

Tháng 12/2010 tại công ty Cổ phần nội thất 190 phát sinh các nghiệp vụ bán hàng. Từ các sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hoá) kế toán sẽ tập hợp vào bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hoá)

Công ty cổ phần nội thất 190

Mẫu số S11-DN

Km89Mỹ Tranh, Nam Sơn, An Dương, HP

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ)

Tài khoản : Thành phẩm (155)

Tháng 12/2010

STT	Mã số	Tên quy cách vật liệu, sản phẩm, hàng hoá	Đơn vị tính	Tồn đầu		Nhập		Xuất		Tồn cuối	
				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
1	GX02	Ghế xoay	cái	1205	412.719.730	520	179.730.720	310	107.457.160	1415	490.489.940
2	GG15D	Ghế gấp	cái	1008	184.150.512	280	51.866.080	675	12.39.25	613	112.972.835
3	GQM	Ghế quỳ mạ	cái	155	85.064.462	205	120.086.683	193	109.983.810	167	95.167.335
.....
		Cộng			7.526.357.634		4.256.381.258		6.767.504.271		5.015.234.621

Kiến nghị 4: Hoàn thiện về việc luân chuyển chứng từ

Công ty cần có những chứng từ được thực hiện một cách đầy đủ, kịp thời. Có thể quy định đến ngày nhất định các phòng ban, kho phải tập hợp gửi toàn bộ chứng từ phát sinh trong tháng về phòng kế toán để kế toán xử lý các chứng từ đó vào sổ sách.

Kiến nghị 5: Hoàn thiện về phương pháp tiêu thụ hàng hóa, thành phẩm

Tại công ty các sản phẩm đều phải nhập kho trước khi bán nên việc bán hàng qua kho một mặt giúp theo dõi, kiểm tra sản phẩm thuận tiện và tránh sự thiếu hụt khi kiểm kê nhưng đồng thời cũng gây cản trở phần nào đến tốc độ tiêu thụ, làm lỡ cơ hội đưa sản phẩm tới khách hàng. Bởi vậy, công ty nên bổ sung phương thức tiêu thụ xuất bán thẳng không qua kho Bên cạnh phương thức này, công ty nên mở rộng thị trường trên toàn quốc tạo ra hệ thống tiêu thụ rộng lớn, tạo điều kiện giới thiệu và bán sản phẩm tới khách hàng một cách thuận lợi nhất.

3.4. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần nội thất 190

3.4.1. Về phía nhà nước:

+ Nhà nước cần phải xem xét lại toàn bộ các quy định quản lý tài chính về doanh thu, chi phí, loại bỏ những quy định quá cụ thể mang tính bắt buộc không phù hợp với doanh nghiệp.

+ Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ rõ ràng. Ban hành các quyết định thông tư trong chế độ kế toán mang tính chất bắt buộc cao, tính pháp quy chặt chẽ tạo điều kiện cho công ty hoạt động dễ dàng và có hiệu quả.

+ Có chính sách hỗ trợ trong quá trình công ty đầu tư trang thiết bị máy móc kỹ thuật để khuyến khích công ty phát triển.

3.4.2. Về phía công ty:

+ Thực hiện tốt các chỉ tiêu kế toán tài chính năm 2010, quản lý và sử dụng tiền vốn, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí. Triệt để cắt giảm mọi chi phí không cần thiết, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về quản lý tài chính, có biện pháp tích cực thu hồi công nợ, nắm bắt khả năng thanh toán của các đơn vị khách hàng để ngăn ngừa các hiện tượng thất thoát vật tư, tiền vốn nâng cao hiệu quả sản xuất.

+ Tạo lập mối quan hệ bền vững với các khách hàng. Một đặc điểm nổi bật trong nền kinh tế thị trường hiện nay là tính cạnh tranh rất cao. Vì thế, việc giữ mối quan hệ bền vững lâu dài và tốt đẹp với khách hàng là điều rất cần thiết với doanh nghiệp để có thể tồn tại và phát triển. Đây cũng là yếu tố quyết định sự bình ổn doanh thu trong doanh nghiệp, để làm được điều này công ty nên có các chính sách ưu đãi với khách hàng.

+ Về nguồn nhân lực thực hiện kế toán: Có chính sách bồi dưỡng nâng cao thêm nghiệp vụ chuyên môn về kế toán để đội ngũ các nhân viên kế toán nắm vững các nghiệp vụ kinh tế, luật kế toán, tài chính doanh nghiệp thích ứng với yêu cầu đòi hỏi của nền kinh tế thị trường. Bên cạnh đó đội ngũ cán bộ kế toán còn phải là người có trách nhiệm, hết lòng vì công việc, nắm vững nghiệp vụ trong vị thế được giao, biết cách thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3.4.3. Điều kiện khác

+ Về chính sách kế toán: Cần có một chính sách kế toán phân định phạm vi phản ánh của kế toán quản trị và kế toán tài chính cùng với các văn bản hướng dẫn thực hiện kế toán quản trị và kế toán tài chính được ban hành từ phía nhà nước, cụ thể chế độ kế toán thuộc bộ tài chính sẽ đảm đương trách nhiệm này. Mặt khác hiệp hội kế toán Việt Nam có vai trò là tổ chức nghề nghiệp nên tạo điều kiện hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc tổ chức thực hiện kế toán quản trị và kế toán tài chính phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp thông qua các buổi hội thảo,...trên cơ sở đó giúp doanh nghiệp nhận thức được vai trò định hướng việc tổ chức công tác kế toán phù hợp với đặc thù hoạt động của doanh nghiệp mình

+ Quan điểm hiện nay của bộ tài chính được thể hiện trong luật kế toán là nhà nước sẽ không can thiệp và kiểm soát trực tiếp về công tác kế toán của doanh nghiệp nữa mà công việc kế toán dần dần sẽ được coi là công việc của doanh nghiệp. Vì vậy, để cung cấp được những “thành phẩm” có giá trị sử dụng đúng tiêu chuẩn được xã hội công nhận trong chương trình đào tạo các trường phải chú trọng tới việc thực hành chuyên sâu về các kỹ năng thực hành cần có đối với mỗi sinh viên ngành kế toán. Cần xây dựng một mô hình đào tạo kết hợp lý thuyết và thực hành kế toán giữa trường, hiệp hội kế toán và các doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu giữa lý luận và thực tiễn em nhận thấy rằng công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng là rất quan trọng. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cung cấp số liệu kịp thời cho việc phân tích tình hình sản xuất, tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp, phục vụ đắc lực cho việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Trên đây là toàn bộ nội dung trong cuốn khóa luận tốt nghiệp đề tài “ Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần nội thất 190”. Trong cuốn khóa luận này em đã vận dụng những kiến thức đã học được trong nhà trường, em đã cố gắng trình bày những vấn đề cơ bản về công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Từ đó mạnh dạn đưa ra một số đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần nội thất 190.

Với thời gian thực tập không nhiều, kiến thức bản thân có hạn nên bài khóa luận của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, em rất mong được sự chỉ bảo, đóng góp ý kiến của thầy cô để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn thầy giáo PGS.TS.Thịnh Văn Vinh, các anh chị trong phòng kế toán đã chỉ bảo, tận tình giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 20 tháng 6 năm 2011

Sinh viên

Vũ Thị Bích

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam.
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1) - Hệ thống tài khoản kế toán – Nhà xuất bản tài chính.
3. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2) - Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán – Nhà xuất bản tài chính.
4. Kế toán doanh nghiệp theo chuẩn mực kế toán mới – TS. Nghiêm Văn Lợi.
5. Trang www.ketoanducha.com
6. Giáo trình kế toán tài chính – Nhà xuất bản giao thông vận tải.
7. Giáo trình nguyên lý kế toán – Nhà xuất bản thống kê

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1.Tính cấp thiết của đề tài	7
2.Mục đích nghiên cứu của đề tài	7
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài	8
4. Phương pháp nghiên cứu.....	8
5. Nội dung kết cấu	8
CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.	9
1.1. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	9
1.1.1. Những vấn đề cơ bản về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp.	9
1.1.1.1.Khái niệm	9
1.1.1.2.Các loại doanh thu.....	9
1.1.1.3.Điều kiện ghi nhận doanh thu và thời điểm ghi nhận doanh thu	10
1.1.1.4.Các khoản làm giảm trừ doanh thu của doanh nghiệp.....	11
1.1.2. Chi phí kinh doanh của doanh nghiệp.....	13
1.1.2.1. Khái niệm	13
1.1.2.2.Các loại chi phí.....	13
1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp	14
1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	15
1.3. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	16
1.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	16
1.3.1.1.Chứng từ kế toán sử dụng.	16
1.3.1.2.Tài khoản sử dụng:.....	16
1.3.1.3.Phương pháp hạch toán:	18
1.3.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	18
1.3.2.1. Chứng từ kế toán sử dụng	18

1.3.2.2.Tài khoản sử dụng:.....	19
1.3.2.3.Phương pháp hạch toán:	21
1.3.3. Kế toán giá vốn hàng bán.....	21
1.3.3.1.Phương pháp xác định giá vốn hàng xuất bán	21
1.3.3.2.Chứng từ kế toán sử dụng:	22
1.3.3.3.Tài khoản sử dụng.....	23
1.3.3.4.Phương pháp hạch toán:	24
1.3.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.....	26
1.3.4.1.Chứng từ kế toán sử dụng:	26
1.3.4.2.Tài khoản sử dụng:.....	26
1.3.4.3.Phương pháp hạch toán:	28
1.3.5. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.....	29
1.3.5.1.Chứng từ kế toán sử dụng:	29
1.3.5.2.Tài khoản sử dụng.....	29
1.3.5.3.Phương pháp hạch toán:	31
1.3.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.	32
1.3.6.1.Chứng từ sử dụng	32
1.3.6.2.Tài khoản sử dụng.....	32
1.3.6.3.Phương pháp hạch toán	33
1.3.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	34
1.3.7.1.Chứng từ sử dụng:.....	34
1.3.7.2.Tài khoản sử dụng:.....	34
1.3.7.3.Nguyên tắc hạch toán:	34
1.3.7.4.Phương pháp hạch toán:	35
1.4. Tổ chức vận dụng sổ kế toán.....	36
1.4.1. Hình thức Nhật ký - sổ cái.	36
1.4.2. Hình thức Nhật ký chung.	36
1.4.3. Hình thức Nhật ký chứng từ.....	36
1.4.4. Hình thức Chứng từ ghi sổ.....	37
1.4.5- Hình thức kế toán trên máy vi tính	38

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NỘI THẤT 190.	39
2.1. Khái quát chung về công ty CP nội thất 190.	39
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty cổ phần nội thất 190.	39
2.1.2 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Công ty	39
2.1.3.Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty.	40
2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán.....	40
2.1.3.2. Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán.....	41
2.1.3.3. Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán	42
2.1.3.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán	42
2.1.3.5. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính	42
2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí, và xác định kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần nội thất 190.....	43
2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	43
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	51
2.2.3. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.....	57
2.2.3.1.Kế toán doanh thu tài chính	57
2.2.3.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính	62
2.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	66
2.2.4.1. Kế toán chi phí bán hàng.....	66
2.2.4.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	72
2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	78
CHƯƠNG 3. MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NỘI THẤT 190.	88
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần nội thất 190.	88
3.1.1. Ưu điểm.....	88
3.1.2.Nhược điểm.....	89

3.1.3. Nguyên nhân của thực trạng	90
3.2. Nguyên tắc và yêu cầu hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần nội thất 190	91
3.2.1. Nguyên tắc hoàn thiện.....	91
3.2.2. Yêu cầu hoàn thiện.....	91
3.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần nội thất 190.....	100
3.4.1. Về phía nhà nước:	100
3.4.2. Về phía công ty:	100
3.4.3. Điều kiện khác.....	101
KẾT LUẬN	102
TÀI LIỆU THAM KHẢO	103